



Mục lục

	SỰ KIỆN
3	VŨ VĂN HIỀN: Vang mãi anh hùng ca Đại thắng mùa xuân 1975, thống nhất đất nước
	NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI
12	PHẠM VĂN LINH: Hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới
23	LÊ HỒNG LÝ: Tiếp tục định hình, bổ sung và hoàn thiện hệ giá trị gia đình Việt Nam

31 PHẠM DUY ĐỨC:

Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc - một số vấn đề lý luận và thực tiễn

42 NGUYỄN MINH TUẤN:

Nhận diện và hóa giải những nguy cơ, thách thức lớn đối với Đảng cầm quyền trong bối cảnh phát triển mới

52 NGUYỄN BÁ DƯƠNG:

Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là những nhiệm vụ trọng yếu , thường xuyên trong kỷ nguyên mới

65 ĐẶNG NGUYỄN ANH:

Đặc điểm, xu hướng phát triển xã hội của các quốc gia phát triển và một số gợi mở chính sách



SỰ KIỆN

VANG MÃI ANH HÙNG CA ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN
Hội đồng Lý luận Trung ương

Năm nay, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta long trọng kỷ niệm 50 năm Ngày Đại thắng mùa xuân, Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2025), trang vàng chói lọi của lịch sử dân tộc Việt Nam, một sự kiện trọng đại biến ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, phát triển phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trở thành hiện thực.

Đại thắng mùa Xuân 1975 là chiến công chói lọi, là thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Ta đã đánh bại hoàn toàn quân đội Ngụy trên một triệu tên, do Mỹ tổ chức, huấn luyện, nuôi dưỡng và trang bị các phương tiện vũ khí hiện đại cùng với hệ thống phòng thủ, bố trí chiến lược hoàn chỉnh. Trong cuộc chiến tranh này, đế quốc Mỹ đã tiêu tốn tới 676 tỷ USD (tính từ năm 1954 - 1975); nếu so với Chiến tranh thế giới thứ Nhất là 25 tỷ USD; Chiến tranh thế giới thứ Hai là 341 tỷ và Chiến tranh ở Triều Tiên là 54 tỷ, thì chi phí của Mỹ cho cuộc chiến tranh tại Việt Nam là một con số khổng lồ. Trong 9 năm trực tiếp đưa



*Kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước
(30-4-1975 – 30-4-2025) _ Ảnh: MH*

quân tham chiến tại miền Nam Việt Nam, có khoảng gần 58 nghìn lính Mỹ đã thiệt mạng: Đây là thất bại to lớn của đế quốc Mỹ.

Đại thắng mùa Xuân 1975 có tầm vóc to lớn cả về quân sự và chính trị, cả về không gian và lực lượng, trong một thời gian ngắn, chỉ 55 ngày lại ít tổn thất, gây bất ngờ đến kinh hoàng đối với quân đội Mỹ - Ngụy và sự ngạc nhiên đến sững sốt trên trường quốc tế. Điều đó thể hiện sâu sắc tài thao lược,

nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh xuất sắc của Đảng ta trong việc tổ chức lực lượng xây dựng thế trận, tạo và nắm bắt thời cơ, hạ quyết tâm cho trận quyết chiến chiến lược để giành thắng lợi trọn vẹn. Điều đó phản ánh nghị lực phi thường của quân đội ta, nhân dân ta, khẳng định ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của dân tộc ta.

Sự kiện thống nhất đất nước đã mở ra thời kỳ mới của cách mạng Việt

Nam, kết thúc oanh liệt quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, bảo vệ và phát triển công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đập tan ách thống trị của thực dân cướp nước và bè lũ bán nước ở miền Nam, đưa tới kết quả vô cùng tự hào, đất nước Việt Nam mãi mãi thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã thực hiện trọn vẹn ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Di chúc mà Người để lại: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”.

Sự kiện thống nhất đất nước đã mở ra thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam, kết thúc oanh liệt quá trình 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, bắt đầu từ Cách mạng Tháng Tám, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Đánh giá về tầm vóc và ý nghĩa của sự kiện lịch sử đó, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất. Một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹. Ghi tạc cụ thể hơn về trang sử huy hoàng của Đại thắng mùa xuân 1975 có thể nêu một số nội dung sau:

I. Ý chí độc lập dân tộc,

thống nhất đất nước

Ý chí độc lập dân tộc, thống nhất đất nước là giá trị cốt lõi nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt

Nam. Dân tộc Việt Nam rất yêu hòa bình, hiền hòa, mến khách và luôn nghĩa tình, hữu nghị. Vì muốn sống trong hòa bình, chúng ta luôn tìm mọi cách để hòa hiếu, giải quyết các mâu thuẫn bằng phương pháp thương lượng hòa bình. Nhưng dân tộc ta không bao giờ khuất phục trước những thế lực hiếu chiến, hung bạo muốn cướp nước ta. Bởi vậy có biết bao kẻ ôm mộng bá chủ thế giới, khi đã chiếm hết nước này, nước khác nhưng mỗi lần xâm lược nước ta đều chịu thất bại nặng nề.

Từ đế quốc Nguyên - Mông hùng mạnh từng đánh chiếm 2/3 đại lục Á - Âu, đến các thế lực phong kiến phương Bắc và những thực dân đế quốc hùng mạnh đều thất bại thảm hại trên đất nước ta. Các chiến công chói sáng như Bạch Đằng (các năm 938, 981, 1288); Như Nguyệt (1077); Đông Bộ Đầu (1285); Tốt Động - Chúc Động (1426); Chi Lăng - Xương Giang (1427); Ngọc Hồi - Đống Đa (1789); Điện Biên Phủ (1954) và Đại thắng mùa Xuân 1975 trở thành cột

mốc lịch sử và là bản hùng ca về ý chí quật cường của dân tộc vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước.

Kế thừa truyền thống yêu nước, ý chí độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, từ lúc còn ba trên đường

cứu nước, Bác Hồ đã có

ước vọng và quyết tâm

Ý chí độc lập dân tộc, thống nhất đất nước là giá trị cốt lõi nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

sắt đá: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những gì tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”² (12-1920), đến “chỉ có một ham muốn,

ham muốn tột bậc, là làm

sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”³ (1-1946) “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”⁴; “Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam”⁵; “Đấu tranh cho thống nhất là con đường sống của nhân dân Việt Nam”⁶. Và trong Di chúc của Người đã khẳng định “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”⁷. Khát vọng độc

lập, tự do và thống nhất đất nước là một trong những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, Đảng ta đã đưa ra những chủ trương, quyết sách cụ thể huy động mọi nguồn lực của ý chí thống nhất đất nước và khát vọng hoà bình của muôn triệu người Việt Nam, đã lãnh đạo quân và dân cả nước giành thắng lợi cuối cùng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

II. Đại thắng mùa Xuân 1975, thống nhất đất nước, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” là thắng lợi của nhân dân ta đối với bọn cướp nước và bè lũ bán nước

Tổng thống Pháp Ph. Mit-tơ-răng trong dịp sang thăm chính thức Việt Nam tháng 2-1993, khi trả lời các nhà báo, đã nhận xét: “Ông Hồ Chí Minh đã tìm kiếm những người đối thoại nhưng không tìm được. Dù rất mong muốn đàm phán để hướng tới độc lập, ông Hồ Chí Minh đã bị đẩy vào chiến tranh”.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ đấu

tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, đồng thời ký hiệp định Giơ-ne-vơ, phấn đấu giữ vững hòa bình, tiến tới thống nhất đất nước, thực hiện độc lập, tự do trong cả nước.

Tuy nhiên, Đế quốc Mỹ quyết tâm thực hiện mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Vì vậy, Mỹ trắng trợn phá hoại hiệp định Giơ-ne-vơ, hất cẳng Pháp để nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam. Mỹ từng bước đưa quân đội, vũ khí trang bị, lập căn cứ quân sự và thiết lập, nuôi dưỡng Chính quyền tay sai để cùng thực hiện mưu đồ biến miền Nam Việt Nam là tiền đồn của Mỹ ở Đông Nam Á. Giữa năm 1956, Ngô Đình Diệm tuyên bố lập nước “Việt Nam Cộng hòa”, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, phục tòng tuyệt đối làm tay sai cho Mỹ. Mỹ - Diệm dùng mọi thủ đoạn tàn ác nhất đàn áp phong trào kháng chiến của ta. Chúng phát động chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” với khẩu hiệu “tiêu diệt cộng sản tận gốc”, “thà giết nhầm hơn bỏ sót”, lê máy chém khắp vùng miền để chém giết những người cộng sản, những người

kháng chiến và những người không hợp tác với chúng.

Đổi đầu chiến tranh tàn bạo của Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam sống trong cùm kẹp, gặp bao cảnh đau thương, mất mát. Tháng 5 năm 1959, Ngô Đình Diệm ra đạo luật phát xít 10/59, thẳng tay giết hại biết bao chiến sĩ, đồng bào yêu nước “Tiếng máy chém đầu vang trong ánh thép, nhân dân quần quai dưới xiềng gông, đạn bom rơi, xác ngã chất chồng”⁸. Tính từ cuối năm 1954 đến năm 1959, địch đã bắt giam 466.000 người, giết hại 68.000 người, điển hình là vụ thảm sát Phú Lợi ngày 01-12-1958, địch đầu độc 6.000 tù nhân yêu nước, giết hại 1.000 người và làm 4.000 người khác trúng độc nặng. Thực tế là các thế lực Mỹ - Ngụy đã thực hiện cuộc chiến tranh chống lại nhân dân ta. Chính quyền Sài Gòn còn hò hét “lấp sông Bến Hải”, “Bắc tiến”, “giải phóng cố đô”...

Như vậy đủ thấy tội ác của đế quốc Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm và các chính quyền của Ngụy về sau là “trời không dung, đất không tha”, buộc chúng ta phải hành động. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giành đến thắng lợi cuối cùng thực chất là đánh

tan bọn giặc cướp nước và bè lũ bán nước, là “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào” như lời Bác Hồ đã từng chỉ giáo.

III. Cội nguồn của thắng lợi

Thời gian càng lùi xa cùng với những trải nghiệm “trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu” từ thực tiễn, chúng ta càng hiểu sâu sắc hơn về tầm vóc, ý nghĩa to lớn và giá trị trường tồn của Đại thắng mùa Xuân 1975. Thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta không chỉ là đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, đất nước vĩnh viễn thống nhất, mà còn phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, giúp cho các dân tộc bị áp bức thoát khỏi gông xiềng của đế quốc. Những nhân tố làm nên chiến thắng hào hùng có ý nghĩa to lớn đối với nước ta và trường quốc tế là:

Thứ nhất, đường lối chiến lược và sự chỉ đạo tài tình của Đảng và Nhà nước ta.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975 là chặng đường chiến đấu đầy hy sinh, gian khổ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, là biểu tượng

sáng ngời của bản lĩnh, trí tuệ và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, đặc biệt là kết quả của đường lối cách mạng độc lập tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta và chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng ta đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội,

lãnh đạo toàn dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam, hướng tới mục tiêu thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đường lối đúng đắn và sáng tạo đó đã phản ánh lợi ích chính đáng và

đáp ứng nguyện vọng tha thiết của các tầng lớp nhân dân trong cả nước tạo nên sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, lập nên những kỳ tích trong việc xây dựng hậu phương vững chắc ở miền Bắc và đấu tranh thắng lợi ở miền Nam.

Thứ hai, phát huy mạnh mẽ sức mạnh gắn kết khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, toàn thể dân tộc Việt Nam đã kết thành một khối thống nhất quy tụ được tất cả các thành phần dân tộc, tôn giáo, giai cấp, đảng

Thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta không chỉ là đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, đất nước vĩnh viễn thống nhất, mà còn phá tan xiềng xích của chủ nghĩa thực dân kiểu mới, giúp cho các dân tộc bị áp bức thoát khỏi gông xiềng của đế quốc.

phái từ Bắc chí Nam thực hiện “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công”, tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hậu phương vững chắc và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống Mỹ, Ngụy ở miền Nam. Độc lập, tự do, thống nhất đất nước là lẽ sống, là “mục tiêu,

lý tưởng của toàn dân tộc, nhân dân hai miền Nam - Bắc kết thành một khối đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh để chiến đấu và kiến thiết, phát huy cao độ truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sáng tạo các

hình thái chiến tranh nhân dân, giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi hoàn toàn chủ nghĩa thực dân đế quốc, đưa cả nước thống nhất bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, sự phát triển vượt bậc của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Nghệ thuật quân sự Việt Nam đã phát triển không ngừng để đáp ứng yêu cầu chiến lược và chiến thuật trong từng giai đoạn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, luôn quán triệt sâu sắc tư tưởng tiến công, tích cực, chủ động, linh hoạt, kiên quyết và liên tục. Tiến công địch trong mọi lúc, mọi nơi bằng sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, mọi phương thức và phương tiện đấu tranh, lấy tiến công và phản công là chủ yếu, phát huy yếu tố chủ động, bất ngờ, đánh trúng, đánh hiểm, tạo đột biến về chiến lược, giành toàn thắng trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khẳng định: “Trận quyết chiến chiến lược mùa Xuân 1975 đánh dấu bước phát triển mới hết sức rực rỡ của nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong điều kiện hiện đại, đặc biệt là

nghệ thuật điều hành chiến tranh ở giai đoạn kết thúc, nghệ thuật tổ chức và chỉ đạo thực hành những trận then chốt quyết định, đưa kháng chiến đến toàn thắng”⁹.

Thứ tư, kết hợp hiệu quả sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cùng với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng đã tăng cường tình đoàn kết hữu nghị quốc tế, tranh thủ được sự ủng hộ vật chất và tinh thần của nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả nhân dân Mỹ. Đạt được kết quả như vậy vì cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ là tuyến đầu của các cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Ý chí thống nhất tổ quốc và khát vọng hòa bình, độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam hòa quyện với yếu tố thời đại đã giúp cho sức mạnh của dân tộc ta được tăng cường, góp phần tạo thêm sức mạnh ngày càng to lớn của cách mạng Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ.

Chính vì thế, tại các nước phương Tây và tại Mỹ, nhiều báo đã tường thuật diễn biến chiến sự, ca ngợi chiến thắng của dân tộc Việt Nam và đưa ra những bình luận bi thảm của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Tờ New York cho rằng: “Việc Mỹ dính líu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam là một sự hy sinh vô ích về sinh mạng và tiền của người Mỹ và là một chương bi thảm trong lịch sử Mỹ”.

Từ những nội dung nêu trên có thể khẳng định rằng Đại thắng mùa Xuân 1975 Thống nhất đất nước là mốc son sáng chói trong lịch sử hào hùng của

dân tộc. Chính ý chí độc lập dân tộc và khát vọng hòa bình đã tạo ra sức mạnh vô song đưa nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn thử thách để chiến thắng mọi kẻ thù. Lấy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh tổng hợp, thể trận lòng dân là thành lũy vững chắc, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đồng lòng chung sức, quyết tâm xây dựng Tổ quốc ngày càng vững mạnh, bảo vệ Tổ quốc ngày càng vững chắc, đưa đất nước ta vững bước vào kỷ nguyên mới vươn mình của dân tộc, phát triển, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc ■

¹ ĐCSVN: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976)*, trích trong: *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, t.37, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.457.

² Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.112.

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2011, tr.187.

⁴ Hồ Chí Minh: *Sdd*, t.1, tr.264.

⁵ Hồ Chí Minh: *Sdd*, t.15, tr.627.

⁶ Hồ Chí Minh: *Sdd*, t.11, tr.272.

⁷ Hồ Chí Minh: *Sdd*, t.15, tr.623.

⁸ Viễn Phong: *Văn bia Đền thờ liệt sĩ Bến Dược*

⁹ *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.1000.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HOÀN THIỆN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Về lý luận:

Thứ nhất, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cần làm rõ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, và trên cơ sở thực tiễn phát triển của thế giới đương đại, của văn minh nhân loại và thực tiễn xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Trung Quốc. Khi khẳng

định đi lên chủ nghĩa xã hội là xu thế phát triển khách quan, loài người dứt khoát sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội, mặc dù đó là hợp quy luật, là điều chắc chắn, nhưng cần chỉ ra những đặc trưng, tiêu chí chung để dễ nhận diện, định hướng cho đến giữa và cuối thế kỷ XXI của chủ nghĩa xã hội; tiếp tục làm rõ về nội dung, mối quan hệ giữa các trụ cột của mô hình chủ nghĩa xã hội, đó là: kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa..., tính kế thừa,

phát triển, ưu việt của các trụ cột như thế nào? v.v..

Trong chủ nghĩa tư bản, điểm chung về mô hình và thiết chế xã hội là chế độ đa đảng, là tam quyền phân lập, các trụ cột của mô hình này là kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã

hội dân sự. Thông qua chế độ bầu cử đa đảng, khi một đảng thắng cử sẽ đứng ra thành lập chính phủ, nhà nước pháp quyền ở đây dựa trên quốc hội đa đảng và chính phủ do đảng thắng cử đứng ra thành lập. Đối với chủ nghĩa xã hội, không thể thiếu được vai trò của chính đảng cách mạng - Đảng Cộng sản - lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, Đảng không có mục

đích nào khác là mang lại tự do, ấm no, dân chủ, phồn vinh, hạnh phúc thực sự cho người dân, xây dựng chế độ mới là chế độ xã hội chủ nghĩa. Cần khẳng định, không có Đảng Cộng sản chân chính thì không thể xây dựng

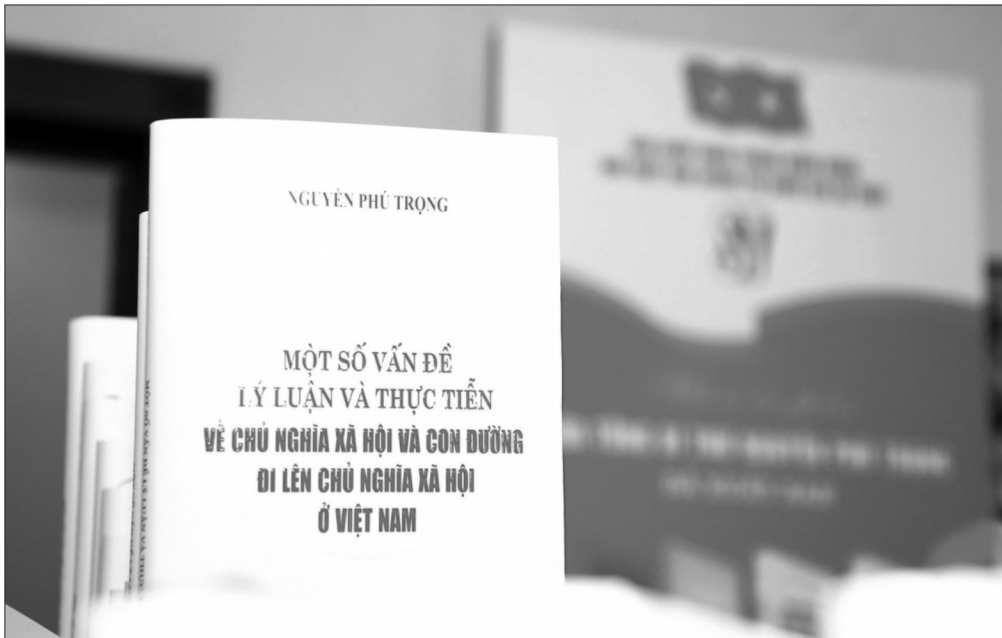
thành công chủ nghĩa xã hội, không có chủ nghĩa xã hội thực sự. Ngay cả những nước xã hội chủ nghĩa vẫn còn đa đảng (Trung Quốc hiện còn 8 đảng phái), trước đây Việt Nam có 3 đảng, nhưng các đảng đều thừa nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Lao động Việt

Cần làm rõ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là lý luận về hình thái kinh tế - xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, và trên cơ sở thực tiễn phát triển của thế giới đương đại, của văn minh nhân loại và thực tiễn xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Trung Quốc.

Nam trước đây và hiện nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, vì vậy có khẳng định vai trò của Đảng Cộng sản là một trụ cột của mô hình chủ nghĩa xã hội?

Tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những giá trị tinh hoa của nhân loại về kinh tế thị trường, văn minh nhân loại trên phương diện phát triển xã hội, quyền con người, những hạt nhân hợp lý mà chủ nghĩa tư bản hiện đại tận dụng được, dưới tác động

của kinh tế tri thức, cách mạng khoa học, công nghệ, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Những giá trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cách mạng khoa học, công nghệ phát triển ngày nay, điều gì



Cuốn sách “một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng

— Ảnh: *baodantoc.vn*

còn phù hợp, vấn đề nào thực tiễn đã vượt qua, như: thời đại ngày nay, hình thái kinh tế - xã hội; cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; giai cấp và đấu tranh giai cấp; bản chất tính tiên phong của giai cấp công nhân; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất giai cấp công nhân của chính đảng cách mạng...

Nghiên cứu sự phát triển chủ nghĩa tư bản hiện đại trong điều kiện mới, trong xu thế khách quan của sự tiến hóa của nhân loại, của quy luật phát

triển; vấn đề quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa của các quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay như thế nào, nguyên tắc, cách thức, con đường? về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất và vấn đề phương thức sản xuất mới... Điều kiện, phương thức nào để các nước tư bản phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội không phải trải qua cách mạng xã hội bằng bạo lực?

Về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định bởi 8 đặc trưng nêu trong Cương lĩnh (bổ sung, phát

triển năm 2011): Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Như vậy, có thể thấy rõ, mối quan hệ giữa đặc trưng và mục tiêu cuối cùng, khi Việt Nam xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội sẽ đạt đến dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thể hiện trên từng lĩnh vực là 8 đặc trưng. Tuy nhiên, cần làm rõ là sắp tới, nếu tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, 8 đặc trưng hiện nay có thêm hay bớt gì không, nội dung của từng đặc trưng thay đổi như thế nào, mục tiêu cuối cùng

diễn đạt như hiện nay còn phù hợp nữa không? Trên thế giới hiện nay, nhiều quốc gia thêm chỉ số phồn vinh, hạnh phúc; giữa phồn vinh, hạnh phúc và văn minh không hoàn toàn cùng một nội dung, hơn nữa đến năm 2045 và xa hơn nữa, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,

văn minh nhân loại chắc chắn sẽ có những bước tiến xa hơn, có thay đổi gì không?... Bên cạnh đó, một số quốc gia phát triển, đặc biệt là các nước Bắc Âu cũng được đánh giá là xã hội dân giàu, nước mạnh... thì phân loại như thế nào, đâu là giá trị nhân loại, đâu là chủ nghĩa xã hội

Về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xác định bởi 8 đặc trưng nêu trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011): Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

đã hình thành trong xã hội tư bản phát triển?

Làm rõ hơn mô hình kinh tế tổng quát của nước ta đến sau năm 2030 và năm 2045, các đặc trưng nêu trong Cương lĩnh năm 2011 có thay đổi gì không? Sự phát triển văn minh nhân loại, quá trình hoàn thiện lý luận và những thay đổi từ thực tiễn đất nước

luôn diễn ra nhanh chóng, mô hình và các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội đang trong quá trình hoàn thiện, được bổ sung qua từng nhiệm kỳ đại hội, tổng kết qua từng giai đoạn của công cuộc đổi mới, làm cho chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng rõ hơn, và qua đó được tổng kết chung

qua mỗi lần sửa đổi, ban hành Cương lĩnh của Đảng. Đó cũng là vấn đề đặt ra cần tiếp tục được hoàn thiện.

Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tiếp tục bổ sung và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo đảm tính khoa học và cách mạng, trong từng vấn đề, những nguyên lý, giá trị lý luận nào còn phù hợp, những vấn đề cuộc sống đã vượt qua, những nội dung mới cần tiếp thu? Đồng thời, lý luận về đường lối đổi mới đã trải qua gần 40 năm xây dựng, hoàn thiện, có vai trò đặc biệt quan trọng và được kiểm chứng trong thực tiễn phát triển của đất nước, có bổ sung và trở thành một bộ phận của nền tảng tư tưởng của Đảng hay không?

Vấn đề xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, cần làm rõ tiêu chí, nhân tố ảnh hưởng, mối quan hệ giữa các thành tố, đâu là yếu tố cơ bản của nền kinh tế độc lập, tự chủ; ngoài vấn đề độc lập, tự chủ về đường lối, cần làm rõ hơn tự chủ về nguồn lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là như thế nào? Về khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những cú sốc từ bên

ngoài; mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ với tham gia phân công lao động và hợp tác quốc tế; tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước? Độc lập, tự chủ về kinh tế với vấn đề phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và các vấn đề toàn cầu khác.

Thứ hai, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, làm rõ đặc điểm, bước đi, chặng đường, giai đoạn; quá độ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa; quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất mới và hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một nhiệm vụ lâu dài và khó khăn đối với tất cả các quốc gia đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là những quốc gia có điểm xuất phát thấp. Có nhiều vấn đề đặt ra về lý luận và thực tiễn về thời kỳ quá độ cần tiếp tục làm rõ trong điều kiện mới. Làm rõ những nhân tố mới của thế giới đương đại tác động tới thời kỳ quá độ hiện nay khác với trước đây, như toàn cầu hóa tiếp tục phát triển mạnh cả về trình độ và tính chất;

các nước lớn và các nước tư bản phát triển hiện nay vẫn có vai trò chi phối quan trọng; sự gia tăng mối liên kết, hợp tác lẫn nhau, làm gia tăng quá trình hội nhập và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên thế giới; những sân chơi và luật chơi chung trong đó có sự áp đặt của các nước tư bản phát triển. Tiếp đó là sự thay đổi trật tự, sự gia tăng của chủ nghĩa cường quyền, áp đặt, sự di chuyển và thăng trầm quyền lực của các trung tâm lớn của thế giới. Trật tự thế giới hiện tại chưa định hình, vẫn có nguy cơ chiến tranh lạnh kiểu mới; vấn đề ai thắng ai giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản có vẻ bị mờ đi, thay vào đó là quyền lực của trung tâm nào sẽ thắng thế?

Vấn đề quá độ “bỏ qua” chế độ tư bản chủ nghĩa hay quá độ “rút ngắn” cần có những nghiên cứu đầy đủ hơn, các nước có điểm xuất phát thấp, không có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa theo quan niệm và cách làm trước đây, thực hiện rút ngắn trong điều kiện mới như thế nào? Các nước tư bản phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội với bước đi, phương thức thực hiện như thế nào?... Lý luận về phân kỳ trong điều kiện Việt Nam

cũng cần rõ hơn về thời gian, tiêu chí đạt được cho từng chặng đường; mối quan hệ giữa bước đi, giai đoạn thực hiện; quan hệ giữa kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, thịnh vượng của dân tộc và thời kỳ quá độ ở Việt Nam; giữa đích đến của kỷ nguyên mới và thời kỳ quá độ có giống nhau không, kỷ nguyên mới trùng với thời kỳ quá độ hay bao nhiêu kỷ nguyên mới thì kết thúc thời kỳ quá độ?

Thứ ba, lý luận về đường lối đổi mới, đổi mới tư duy quản trị phát triển; xây dựng thể chế phát triển hiện đại, bao trùm, cần làm rõ về động lực mới, về thời gian, đổi mới sẽ kéo dài đến hết thời kỳ quá độ hay chỉ đáp ứng trong từng giai đoạn? Thời gian tới, đòi hỏi tiếp tục bổ sung, làm rõ hơn tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam khi tính hiện đại của nền kinh tế phát triển hơn, hội nhập sâu rộng hơn, khả năng chống chịu cao hơn và điều kiện để gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội tốt hơn. Về các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; vai trò của các thành phần kinh tế trong điều kiện mới. Làm rõ hơn lý

luận về sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; về văn hóa, xã hội và xây dựng con người phát triển toàn diện; về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy. Lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện mới; về cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong điều kiện mới, tác động của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nội hàm công nghiệp hóa cũng phải thay đổi như thế nào, nhất là những lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... AI, năng lượng sạch? Vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững đất nước cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục làm rõ trong thời gian tới.

Thứ tư, về giải quyết các mối quan hệ lớn trong quá trình phát triển, ngoài 10 mối quan hệ được nêu, giai đoạn tới, nội hàm, trật tự các thành tố có thay đổi không? Có mối quan hệ nào không còn giá trị, có mối quan hệ lớn nào cần bổ sung? Nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ

lớn có vai trò hết sức quan trọng. *Trước hết*, là giữa nhận thức các quy luật, các mối quan hệ với mong muốn vận dụng, giải quyết hiệu quả, hài hòa các quy luật, các mối quan hệ. Thực tiễn đã chứng minh muốn vận dụng các quy luật, giải quyết tốt các mối quan hệ trước hết phải nhận diện rõ, tuy nhiên nhiều nội dung, cơ chế tác động lại được nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc. *Sau nữa*, là vận dụng các quy luật và giải quyết các quan hệ chưa được tốt, gây ra lúng túng triển khai trong thực tiễn. Chẳng hạn, về quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc xác định chức năng Nhà nước, thị trường và xã hội, chưa được luận giải thực sự rõ, Nhà nước can thiệp đến đâu là vừa, vai trò của thị trường như thế nào là hiệu quả, sự tham gia của xã hội đến đâu? Ở mỗi trình độ phát triển khác nhau của lực lượng sản xuất, vai trò các thành tố cũng có những nét riêng. Do vậy, vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết nhận thức rõ và đầy đủ hơn đối với các quy luật, các mối quan hệ trong điều kiện mới, để kịp thời xử lý, bảo đảm giải quyết

tốt nhất cho thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Về thực tiễn

Thứ nhất, mâu thuẫn lớn đặt ra vẫn là đường lối đúng nhưng tổ chức thực hiện là khâu yếu, tồn tại trong nhiều nhiệm kỳ, ảnh hưởng đến thành tựu phát triển của đất nước. Trong các văn kiện của Đảng từ nhiều nhiệm kỳ đều chỉ rõ, tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, từ khâu nhận thức, cụ thể hóa chủ trương, đường lối đến thực thi cụ thể. Nhiều chủ trương, chính sách đúng, nhưng chậm đi vào cuộc sống, dẫn đến bỏ lỡ nhiều cơ hội, thậm chí còn “chuyển” thuận lợi thành hạn chế, bất cập, hay thành nguy cơ, làm chậm sự phát triển. Việt Nam xác định lấy khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu từ rất sớm, nhưng đã bỏ lỡ nhiều cơ hội tận dụng thành quả của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và hiện nay là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Do khoa học và công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển;

giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế, việc thu hút tài năng chưa có đột phá... dẫn tới năng suất lao động thấp, chậm được cải thiện, hiệu quả đầu tư không cao, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn nhiều hạn chế, nhiều mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo

hướng hiện đại vào năm

2020 không đạt được;

nguy cơ tụt hậu xa hơn

của đất nước, nguy cơ rơi

vào “bẫy thu nhập trung

bình”, “bẫy gia công, lắp

ráp” vẫn hiện hữu. Một

số vấn đề đã đúng, đã rõ,

được thực tiễn kiểm

nghiệm nhưng vẫn chậm

được khẳng định, dẫn

đến nhiều nguồn lực chưa được giải

phóng hiệu quả, như thời kỳ đầu đổi

mới, việc xác định thể nào là “bóc lột”,

không “bóc lột” mất khá nhiều thời

gian; vai trò của kinh tế tư nhân là một

động lực quan trọng, là một động lực

quan trọng “nhất”...; việc phát triển

doanh nghiệp “tư bản dân tộc” đủ lớn

tầm khu vực và thế giới trong thời kỳ

quá độ; đảng viên làm kinh tế; hiệu quả

và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà

Trong các văn kiện của Đảng từ nhiều nhiệm kỳ đều chỉ rõ, tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế, từ khâu nhận thức, cụ thể hóa chủ trương, đường lối đến thực thi cụ thể.

nước, mô hình các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước...

Thứ hai, vấn đề xác định và khắc phục các điểm nghẽn chậm được khắc phục, từ nhiều nhiệm kỳ, việc xác định điểm nghẽn về thể chế; về khắc phục tình trạng bộ máy công kênh, hiệu lực, hiệu quả còn hạn chế; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã được đặt ra, nhưng kết quả đem lại còn nhiều hạn chế, thậm chí có việc là điểm nghẽn của điểm nghẽn từ nhiều nhiệm kỳ. Thể chế phát triển đã có nhiều thay đổi, nhất là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng so với yêu cầu vẫn còn nhiều bất cập, về quyền kinh doanh, quyền tài sản, sở hữu trí tuệ; thể chế phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, giáo dục và đào tạo... chậm hoàn thiện; nhiều chính sách, pháp luật chất lượng chưa cao, kể cả việc nội luật hóa một số cam kết, hiệp định giữa Việt Nam và các nước, tổ chức quốc tế, trở thành rào cản cho sự phát triển đất nước. Bộ máy công kênh, nhiều tầng, nấc; phân cấp, phân quyền chưa hợp lý, nhiều cơ chế đặc

thù; mô hình chính quyền đô thị, nông thôn, biển đảo chưa được kiện toàn đầy đủ...; bộ máy hành chính chưa thật sự hiệu quả, thủ tục hành chính rườm rà. Quá trình tinh gọn, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy đặt ra từ nhiều nhiệm kỳ; tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm còn nhiều bất cập. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực diễn biến phức tạp. Chống tham nhũng tuy đã có bước tiến triển tích cực trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về tính chất, loại hình, phạm vi và khả năng xử lý triệt để. Tình trạng lãng phí trở thành lực cản lớn của sự phát triển, nhiều chương trình, dự án quan trọng, vốn đầu tư lớn chậm đưa vào sử dụng, trong đó có nhiều đại án lớn, nhiều tài sản, đất đai, nguồn lực của Nhà nước còn bị lãng phí.

Thứ ba, trong thực tiễn, có giai đoạn, có lúc, có nơi chưa quán triệt và thực hiện tốt các *giá trị cốt lõi về đoàn kết, thống nhất; hòa bình, phát triển và lợi ích quốc gia, dân tộc*, do vậy lợi thế về sự đoàn kết, thống nhất, sức mạnh và nguồn lực cho phát triển đất nước chưa được giải phóng; chủ trương,

đường lối đã được xác định sớm, nhưng nhận thức và tổ chức thực hiện chưa kịp thời cả về thể chế, chính sách và triển khai thực hiện, dẫn đến bỏ lỡ nhiều cơ hội, một số trường hợp trở thành rào cản cho sự phát triển; nhiều chủ trương không được thực hiện triệt để, chính sách kinh tế nhiều thành phần có lúc, có nơi còn phân biệt đối xử với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong tiếp cận các nguồn lực.

Thứ tư, còn nhiều vấn đề đặt ra trong phát triển văn hóa, xã hội, con người, trong tổ chức thực hiện, việc đặt văn hóa ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội vẫn khó xác định; quá trình xác định nội dung và tổ chức thực hiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam chưa đồng bộ, kịp thời giữa mục tiêu và kết quả, chưa rõ lộ trình; coi văn hóa là nền tảng phát triển, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xử lý giữa bảo tồn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống còn nhiều hạn chế; văn hóa là hệ

điều tiết phát triển xã hội, là mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh, nhưng chưa có cơ chế cụ thể, chưa gắn kết chặt chẽ giữa kinh tế với văn hóa; đầu tư cho phát triển văn hóa, xã hội còn nhiều hạn chế. Công nghiệp văn hóa phát triển

chưa tương xứng với tiềm năng. Vấn đề xác định

về quốc phòng, an ninh và đối ngoại, vấn đề đặt ra là tiếp tục cụ thể hóa, tổ chức thực hiện tốt chủ trương bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; dự báo nguy cơ và tạo ra sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo môi trường hòa bình.

phát triển toàn diện con người Việt Nam chưa đủ rõ về lộ trình, bước đi trong quá trình thực hiện.

Quá trình thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, gắn kết giữa chính sách kinh tế với chính sách xã hội tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng

còn nhiều vấn đề đặt ra phải giải quyết, như chênh lệch giàu nghèo có xu hướng gia tăng, phân tầng xã hội tự phát còn diễn biến phức tạp; mâu thuẫn, xung đột xã hội có lúc, có nơi còn tiềm ẩn nhân tố không ổn định. Tính bền vững của một số chính sách xã hội, phúc lợi xã hội chưa cao, tác động của mặt trái kinh tế thị trường chưa được khắc phục kịp thời, tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong một số chính sách xã hội chưa được thực hiện đầy đủ.

Thứ năm, về quốc phòng, an ninh và đối ngoại, vấn đề đặt ra là tiếp tục cụ thể hóa, tổ chức thực hiện tốt chủ trương bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; dự báo nguy cơ và tạo ra sức mạnh tổng hợp quốc gia, tạo môi trường hòa bình. Cần tiếp tục hoàn thiện phương án cụ thể qua từng giai đoạn, tổ chức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, thực hiện an ninh chủ động và khu vực phòng thủ; tập trung xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại,... Điều này đòi hỏi phải xử lý tổng thể như thế nào giữa kinh tế với quốc phòng, và ngược lại; cần xác định rõ tiêu chí, đặc biệt là tiêu chí “hiện đại”, hiện đại so với các nước hay theo cách tiếp cận riêng của Việt Nam, hiện đại là mua vũ khí, trang bị hay Việt Nam làm chủ công nghệ gốc, công nghệ nguồn, tự sản xuất? Tổ chức thực hiện bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; không để bị động, bất ngờ... như thế nào?

Thứ sáu, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là lĩnh vực được Đảng ta đặc biệt quan tâm nhằm xây dựng Đảng ta thực sự là

đạo đức, văn minh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, nhưng còn nhiều bất cập, vấn đề đặt ra cần tiếp tục giải quyết. Để tiếp tục vai trò tiên phong, yêu cầu hoàn thiện phương thức cầm quyền khoa học, cầm quyền theo pháp luật, cầm quyền dân chủ và cầm quyền vì dân cần đặc biệt coi trọng; trong phương thức lãnh đạo, nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết, như Đảng lãnh đạo bằng chủ trương, đường lối, nhưng cần sớm khắc phục việc ban hành quá nhiều văn bản, tình trạng bao biện, làm thay; công tác tư tưởng, lý luận; công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng có lúc, có nơi bộc lộ không ít bất cập; Đảng lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ, bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn còn nhiều vấn đề đặt ra, như chọn không đúng người, tình trạng bè phái, cục bộ, mất đoàn kết, chạy chức, chạy quyền... có nơi còn diễn ra nghiêm trọng; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong Đảng và ngoài xã hội còn diễn biến phức tạp; một số cán bộ lãnh đạo, kể cả cấp cao trong Đảng chưa thực sự gương mẫu, làm ảnh hưởng tới uy tín, hình ảnh của Đảng, gây bức xúc trong xã hội... ■

TIẾP TỤC ĐỊNH HÌNH, BỔ SUNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

● GS, TS LÊ HỒNG LÝ

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

Mỗi một quốc gia đều có xu hướng xây dựng những giá trị riêng của mình để khẳng định họ trong cộng đồng quốc tế, đồng thời để thể hiện bản sắc của quốc gia đó. Người Mỹ luôn hướng đến việc làm sao để nước Mỹ là trên hết, giá trị hướng tới nước Mỹ phải đứng đầu thế giới; với người Pháp là những giá trị về bình đẳng, bác ái, dân chủ, nhân văn..., các quốc gia khác, dù lớn hay bé đều tìm cho mình những giá trị để khẳng định chỗ đứng trên trường quốc tế. Chẳng hạn như Singapore xác định giá trị của họ: Quốc gia trên hết, xã hội đầu tiên; Gia đình là gốc, xã hội là thân; Quan tâm giống nhau, đồng cam cộng khổ; Tìm cái đồng, gạt bắt đồng, hiệp thương cùng hiểu biết; Chung tộc hài hòa, tôn giáo khoan dung. Có thể thấy được xu hướng này ở mọi nước trong

cộng đồng quốc tế hiện nay khi mà toàn cầu hóa, hiện đại hóa đang tạo ra một thế giới phẳng trên toàn thế giới.

Việt Nam cũng không đứng ngoài xu hướng đó. Từ trong lịch sử cha ông ta, từ những triết lý Nho giáo cùng tri thức bản địa đã có những xác định giá trị của riêng mình để xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam trường tồn đến ngày nay. Truyền thống đó tiếp tục được duy trì để tạo nên một quốc gia Việt Nam đáng tự hào như hôm nay.

Trong bài phát biểu tại Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ ra mục tiêu “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, tính nhân văn, dân chủ và khoa học; làm cho văn hóa phải thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của



Tết Nguyên Đán là một ngày lễ quan trọng nhất trong văn hóa của người Việt Nam

— Ảnh: IT

xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trên cơ sở những giá trị nền tảng: dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học, chúng ta đang tiếp tục định hình, bổ sung và hoàn thiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Gia đình là nơi con người được sinh ra, nuôi dưỡng, vun đắp những bước đầu tiên, nền tảng của cuộc đời. Những bước đầu tiên nếu được chau chuốt,

vun đắp tốt thì giống như cái cây lớn lên sẽ chống được sâu bệnh, khỏe mạnh và vững chãi.

Gia đình là môi trường sinh hoạt sớm nhất của cuộc đời mỗi người, nên những gì tiếp thu được tại đây sẽ là dấu ấn khó phai đối với mỗi người. Nếu môi trường gia đình tốt sẽ là một hành trang đẹp cho cuộc đời của mỗi đứa trẻ, còn nếu môi trường gia đình xấu sẽ ảnh hưởng lớn đến đứa trẻ trong suốt thời gian còn lại. Con người lúc mới sinh ra còn trong trắng như tờ giấy trắng (nhân chi sơ, tính bản thiện), đây cũng là giai đoạn người ta dễ nhớ nhất

và nhớ lâu nhất. Vì thế xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh và tốt đẹp tại gia đình sẽ tạo nên tiền đề vững chắc cho bản lĩnh con người sau này. Thực tế” chúng ta thấy những đứa trẻ sinh ra trong các gia đình bất ổn khác hẳn với những đứa sinh ra trong những gia đình êm ấm, nền nếp, đó chính là dựa trên các giá trị của gia đình.

Môi trường văn hóa gia đình là một môi trường quan trọng đối với mỗi người. Tạo được một môi trường nhân ái, lành mạnh sẽ có những con người tử tế trong xã hội, đó là ý nghĩa lớn lao của môi trường văn hóa gia đình. Gia đình lại là cội nguồn của mỗi cộng đồng tộc người, là tế bào của mỗi xã hội, nếu tế bào đó mà khỏe mạnh thì cơ thể sẽ khỏe mạnh, có được các gia đình nhân ái thì sẽ có một xã hội hài hòa, nhân văn. Trong Hội nghị cán bộ thảo luận Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình tháng 10/1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình”¹. Mỗi một dòng họ, một cộng đồng, một làng đến một nước đều bắt

đầu từ những gia đình bé nhỏ hợp lại, cùng tồn tại trong một không gian địa lý và xã hội để tạo thành một quốc gia. Quốc gia đó có vững mạnh hay không đều xuất phát từ những gia đình tồn tại trong đó. Chính vì vậy, giá trị của gia đình đóng vai trò nền tảng cho giá trị của quốc gia, dân tộc.

Giống như bất cứ hiện tượng văn hóa nào khác, ở một đất nước cụ thể, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình đều có những thay đổi theo những giai đoạn lịch sử nhất định, bên cạnh những giá trị phổ quát chung của nhân loại như yêu nước, hòa bình, dân chủ, nhân văn... Vì vậy, việc nhìn nhận bối cảnh của các hệ giá trị là điều cần được xem xét để có một cái nhìn khoa học, khách quan. Hơn thế, đối với những quốc gia đa sắc tộc thì những hệ giá trị này còn liên quan đến cả không gian tự nhiên, xã hội và tinh thần mà mỗi tộc người ấy đang tồn tại, tác động nên sự hình thành của các giá trị gia đình của tộc người đó.

Bối cảnh gia đình hiện nay

Gia đình của người Việt Nam hiện nay, cả ở người Kinh và các tộc người thiểu số đang có sự thay đổi hết sức mạnh mẽ. Trước kia là những gia đình

tồn tại với hình thức tứ đại đồng đường, ngũ đại đồng đường, nay phổ biến là các gia đình hạt nhân cả ở miền xuôi cũng như miền núi. Việc dựng vợ, gả chồng cho những người trẻ từ chỗ “trâu ta ăn cỏ đồng ta” thì nay đã là những cuộc hôn nhân vượt lũy tre làng, thậm chí vượt biên giới ra các quốc gia khác. Về không gian sinh sống của các đôi vợ chồng không chỉ là trên mảnh đất ngàn đời cha ông để lại trong làng, mà còn mở rộng ra ngoài làng, ngoài tỉnh, ra nước ngoài...

Về sinh hoạt, trong gia đình truyền thống, mọi người trong gia đình sống chung một nhà, hằng ngày quây quần, sum họp bên mâm cơm. Xưa kia, vai trò của người phụ nữ trong việc nội trợ “xây tổ ấm”, “giữ lửa” cho gia đình luôn được coi trọng với những “tam tòng, tứ đức”, “công, dung, ngôn, hạnh” luôn được đề cao... Ngày nay, những truyền thống đó đã thay đổi nhiều, gia đình hạt nhân chỉ có vợ chồng, con cái là phổ biến. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao, trách nhiệm được chia đều, công việc, thu nhập đến từ cả hai người nên việc nuôi dạy con cái không chỉ đơn thuần là việc của phụ nữ...

Do xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, hiện đại hóa ngày càng mạnh mẽ nên từ lối sống đến nền nếp sinh hoạt của các gia đình đã thay đổi mạnh mẽ. Mạng internet cùng các phương tiện thông tin đại chúng “xâm chiếm” đến tận phòng ngủ của mỗi gia đình, những bữa ăn sum họp gia đình ngày một ít đi, những câu chuyện trao đổi, sẻ chia, tâm sự giữa các thành viên trong một số gia đình ngày càng giảm. Áp lực của cuộc sống hiện đại đôi khi làm cho con cháu xa dần ông bà, bố mẹ, thiếu vắng sự ân cần, hỏi han, chia sẻ, quan tâm, những giá trị mà không một đồng tiền nào mua được.

Kinh tế thị trường hiện nay len lỏi vào tất cả mọi mặt của cuộc sống, trong đó có gia đình. Một số trường hợp, vì đồng tiền mà các mối quan hệ cha mẹ, vợ chồng, anh em, bà con... diễn ra những điều không tốt đẹp: Anh em đánh chửi, kiện cáo, thậm chí giết nhau vì tranh giành đất đai, quyền lợi, bố mẹ bị con cái đẩy ra đường, vợ chồng, con cái tan đàn xẻ nghé...

Thực tế trên nhắc nhở tất cả chúng ta phải có những hành động thiết thực trong việc bảo vệ, phát huy các giá trị gia đình trong hoàn cảnh mới, giữ

vững hệ giá trị gia đình Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới đã nêu rõ: “Gia đình là tế bào của xã hội, nơi duy trì nòi giống, môi trường lưu giữ, giáo dục, trao truyền các giá trị văn hóa dân tộc cho các thành viên trong gia đình. Xây dựng gia đình hạnh phúc chính là tạo nền tảng để xây dựng xã hội hạnh phúc, là vấn đề hết sức hệ trọng của dân tộc ta. Công tác xây dựng gia đình vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước”.

Định hình, bổ sung và làm sâu sắc một số giá trị gia đình

Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 xác định: “Gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại các tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc”. Trong bối cảnh mới, chúng tôi xin định hình và làm sâu sắc hơn một số giá trị gia đình trong giai đoạn hiện nay. Cũng cần nói thêm rằng, những giá trị này được nhấn mạnh làm sâu sắc hơn trong bối cảnh hiện tại với những thách thức đã được xem xét ở trên. Gia đình Việt Nam hiện nay rất đa dạng, bên cạnh gia đình phổ biến theo truyền thống với ông bà, bố mẹ, con cái, còn có rất nhiều kiểu gia đình như gia đình đơn thân, gia đình có yếu tố nước ngoài, gia đình của các tộc người khác nhau... Những điều xem xét ở đây chỉ tập trung vào loại hình gia đình truyền thống phổ biến cho đến trước khi có sự tác động mạnh mẽ của hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập toàn cầu.

Giá trị lễ nghĩa

Lễ nghĩa là việc đối nhân xử thế trong gia đình với những nghi lễ, ứng xử theo tôn ti, trật tự, thứ bậc trên dưới giữa mọi người trong gia đình. Bố mẹ gương mẫu, thương yêu, dạy bảo con cái; con cái hiếu thảo, vâng lời bố mẹ, anh chị em trong gia đình thì kính trên nhường dưới, đoàn kết, bảo ban nhau. Một gia đình có lễ nghĩa là nơi các giá trị truyền thống được trân trọng, tình

cảm trên dưới được duy trì. Trong mối quan hệ giữa các thành viên, mỗi người, biết nhường nhịn, sẻ chia thì mọi chuyện sẽ diễn ra tốt đẹp, còn ngược lại thì rất dễ xảy ra mâu thuẫn, lục đục.

Giá trị lễ nghĩa biểu hiện ở sự hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ, anh chị em. Con cái luôn biết ơn đáng sinh thành, luôn lo lắng cho cha mẹ, yêu thương cha mẹ, quan tâm, chăm sóc cha mẹ; thay mặt cha mẹ lo cho các em (quyền huynh thế phụ), quan hệ với họ hàng, bà con, làm cho cha mẹ “mát mặt”, tự hào. Sự hiếu thuận không chỉ là sự quan tâm đến cha mẹ, anh chị em bằng vật chất, tiền bạc, quà cáp, mà quan trọng còn là ở tình cảm yêu thương, săn sóc lẫn nhau không để xảy ra hiện tượng con cái có tiền của mua sắm đồ đạc, gửi tiền về cho cha mẹ, nhưng không đoái hoài gì đến họ, để cha mẹ cô đơn, hiu quạnh.

Giá trị tâm linh

Trong gia đình Việt Nam, truyền thống thờ cúng tổ tiên, uống nước nhớ nguồn luôn được đề cao, đó là một giá trị tâm linh rất quan trọng. Người Việt Nam dù đi đâu, ở đâu, việc đầu tiên khi đến chỗ ở mới là tìm chỗ đặt bàn thờ tổ tiên, ông bà, cha mẹ mình và thần

linh sở tại. Điều này cho thấy, trong tâm thức mỗi người, tổ tiên luôn theo sát họ trên mọi nẻo đường của cuộc sống. Tổ tiên dõi theo, phù trợ cho từng bước họ đi, từng việc họ làm. Bàn thờ tổ tiên cùng với thần linh là một sự che chở vô hình đối với người sống. Những khi gặp khó khăn, nhiều người thường thắp một nén nhang, đứng trước bàn thờ tổ tiên cầu khẩn sự phù hộ giúp đỡ, để tấm lòng thanh thản hơn, vững vàng hơn đối mặt với những thử thách trước mắt. Bàn thờ gia đình của cha ông ở quê hương luôn giữ một vị trí thiêng liêng đối với mỗi người mà dù đi đâu, về đâu khắp góc biển chân trời cũng luôn hướng về. Bàn thờ đó không chỉ có những bài vị của các vị tổ, mà còn là những kỷ niệm dâng trào đối với mỗi người. Đó là những kỷ niệm mỗi khi tết đến xuân về, ông bà, cha mẹ chuẩn bị những lễ vật dâng cúng, là sự chín chu, tỉ mỉ bày biện để mời tổ tiên về ăn tết hay mỗi dịp cúng giỗ. Vì thế, bàn thờ không chỉ thuần túy là chỗ thờ tự, mà còn là lai lịch về một dòng họ, những trải nghiệm của các thế hệ trong gia đình.

Những cuộc giỗ tết, ma chay, lễ hội hay những sinh hoạt mang tính tâm

linh khác của gia đình là những cuộc gặp gỡ, cùng nhau chia sẻ giữa các thành viên. Tại đây, các thành viên gia đình tập trung đông đảo cùng nhau thực hành những nghi lễ tâm linh, cộng cảm. Mọi người cùng hướng về những người đã khuất, sau đó là những tâm sự, chia sẻ, cảm thông lẫn nhau. Đây là lúc các thành viên cố kết với nhau bằng những sợi dây tình cảm vô hình nhưng vô cùng bền chặt, cho thấy giá trị tâm linh có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi gia đình.

Giá trị giáo dục

Giáo dục là một giá trị quan trọng trong gia đình người Việt. Giáo dục gia đình là sự trải nghiệm bền bỉ, nhẹ nhàng, thấm từng chút, từng chút một thông qua sự làm gương của người lớn, được diễn ra mọi nơi, mọi lúc. Đó là sự truyền dạy kinh nghiệm và kỹ năng sống, làm việc, tri thức sản xuất giữa các thế hệ cho nhau. Kho tàng kinh nghiệm được đúc kết qua ca dao, tục ngữ, tri thức dân gian về các lĩnh vực trong đời sống. Còn trong sinh hoạt, người mẹ dạy con gái những công việc nữ công gia chánh... Mỗi địa phương tùy theo điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt mà có những câu nói,

những câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ khác nhau để chỉ những hoàn cảnh phù hợp, điều này khắc sâu vào trí nhớ của người được tiếp thu, sau này chính họ sẽ truyền dạy lại thế hệ sau. Những trải nghiệm cùng những kỷ niệm của mỗi người thời trẻ sẽ là những giá trị giáo dục khắc sâu vào tâm trí mỗi người, góp phần hình thành nhân cách của mỗi cá nhân.

Bữa cơm hằng ngày trong gia đình thực sự là một môi trường văn hóa vô cùng quan trọng. Đó là lúc các thành viên chia sẻ với nhau mọi chuyện xảy ra ở nơi làm việc, những câu chuyện, thái độ, sự kiện... trong ngày. Những câu chuyện không chỉ thuần túy là tin tức hằng ngày mà thông qua việc chia sẻ các thông tin ấy, mọi người trong gia đình, nhất là cha mẹ sẽ dạy dỗ con cái theo quan điểm của mình.

Qua những bữa ăn, người lớn cũng dạy cho trẻ nhỏ từ cách ngồi thế nào, thứ bậc ra sao, khi ăn uống, nhai nuốt thế nào, cách mời chào người trên kẻ dưới,... Từ đây bồi đắp cho con người kinh nghiệm sống, kỹ năng để chuẩn bị cho những công việc lớn hơn, khó khăn hơn. Môi trường thực hành hoạt động và sinh hoạt hằng ngày chính là

nơi rèn luyện, bồi đắp bản lĩnh đầu tiên của con người và những khả năng của họ với cuộc sống.

Những tấm gương của người lớn có vai trò dẫn dắt, hướng dẫn giúp cho đứa trẻ định hình và phát triển trong tương lai. Đó là thái độ ứng xử, lời ăn tiếng nói của người lớn để từ đó lớp trẻ soi vào và học tập. Trong gia đình, người mẹ có vai trò hết sức quan trọng trong việc nuôi dạy con cái, tục ngữ có câu “Phúc đức tại mẫu”, người mẹ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hình thành nhân cách, phát triển của mỗi đứa trẻ và trong cả những bước đường sau này.

Giá trị bình đẳng

Bình đẳng trong gia đình giữa vợ và chồng, là sự tôn trọng lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ mọi chuyện từ công việc đến trách nhiệm, kinh tế. Mỗi người đều biết tiến, biết lui trong ứng xử hằng ngày theo cách “Chồng giận thì vợ bớt lời/Com sôi bớt lửa chẳng đời nào khê”. Người phụ nữ ngày nay đã được học hành, nâng cao trình độ lên rất

hiều nên họ có thể tham gia mọi công tác ngoài xã hội. Do đó họ luôn cần sự thông cảm, giúp đỡ từ phía chồng, con, tạo điều kiện để họ làm tròn trách nhiệm bổn phận trong gia đình. Là người giữ lửa trong gia đình, người phụ nữ có vai trò quan trọng trong vun vén xây dựng tổ ấm, dạy dỗ con cái.

Những giá trị của gia đình được đặt trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang chịu sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa diễn ra trên khắp nước ta hiện nay nên không tránh khỏi có sự biến đổi. Việc hoàn thiện hệ giá trị gia đình Việt Nam trong giai đoạn mới cùng với việc tiếp tục định hình, bổ sung và hoàn thiện hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới nhằm hướng tới một hệ giá trị gia đình tối ưu nhất trong giai đoạn hiện nay, góp phần cho sự phát triển đất nước, sự phồn vinh của dân tộc, vươn tầm thế giới ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.300.

XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

● PGS, TS PHẠM DUY ĐỨC

*Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa và Phát triển,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

Trong kỷ nguyên vườn mình mạnh mẽ của dân tộc, khi Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế trên trường quốc tế, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa không chỉ là một yêu cầu mang tính chiến lược mà còn là yếu tố quyết định sự thành công của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Con người không chỉ là trung tâm mà còn là chủ thể của mọi sự phát triển, đóng vai trò nòng cốt trong việc hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, cùng với những tác động từ kinh tế thị

trường và văn hóa ngoại lai, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Những vấn đề như suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống hay sự mất cân đối trong phát triển năng lực toàn diện đang đặt ra yêu cầu cần đổi mới tư duy và hành động một cách mạnh mẽ, đồng bộ. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết không chỉ nhằm làm rõ những cơ sở lý luận, thực trạng mà còn đề xuất các giải pháp thiết thực, phù hợp để đáp ứng yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

1. Nhận thức về con người mới xã hội chủ nghĩa

Con người mới xã hội chủ nghĩa là

hình mẫu lý tưởng của con người được xây dựng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, mang những phẩm chất, năng lực và giá trị phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện con người và xã hội.

Con người ở đây không chỉ đáp ứng yêu cầu về đạo đức, tư tưởng, văn hóa mà còn có năng lực sáng tạo, khả năng thích nghi với sự thay đổi của thời đại; đồng thời giữ vững các giá trị truyền thống tốt đẹp. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng con người mới xã hội chủ nghĩa là những người có “đức” và “tài,” đặt lợi ích của tập thể và dân tộc lên trên hết, sẵn sàng phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng.

Con người mới xã hội chủ nghĩa được định hình bởi các đặc trưng cơ bản sau:

Về phẩm chất chính trị - tư tưởng:

Trung thành với lý tưởng của Đảng Cộng sản và chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Có nhận thức sâu sắc về trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thể hiện ý chí kiên cường, tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc.

Về đạo đức cách mạng:

Sống và làm việc theo các chuẩn

mục đạo đức xã hội chủ nghĩa, như: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Luôn đặt lợi ích tập thể, cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân.

Thực hiện lối sống lành mạnh, tránh xa các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

Về năng lực sáng tạo và trình độ khoa học - kỹ thuật:

Có tri thức, kỹ năng, khả năng sáng tạo và tư duy độc lập, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số.

Làm chủ khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại để đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về ý thức tổ chức, kỷ luật và trách nhiệm xã hội:

Tôn trọng kỷ luật, pháp luật và các quy tắc trong cộng đồng.

Có ý thức đoàn kết, hợp tác, sẵn sàng cống hiến vì lợi ích chung.

Thể hiện trách nhiệm xã hội trong mọi hoạt động, từ gia đình, cộng đồng đến đất nước.

Về văn hóa và lối sống tiến bộ:

Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

Xây dựng lối sống văn minh, phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại.

Về tinh thần hội nhập quốc tế:

Có khả năng giao lưu, hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, đặc biệt là văn hóa, khoa học và kinh tế.

Vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, vừa sẵn sàng học hỏi và hội nhập với các giá trị văn minh thế giới.

Như vậy, con người mới xã hội chủ nghĩa không chỉ là sản phẩm mà còn là động lực cho sự phát triển xã hội. Đây là yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; góp phần xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ từ giáo dục, văn hóa, chính trị đến kinh tế, nhằm tạo ra những thể hệ công dân toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng con người mới xã

hội chủ nghĩa

Chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh vai trò trung tâm của con người trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời chỉ rõ rằng việc xây dựng con người mới là một quá trình lịch sử lâu dài, gắn liền với sự phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Con người mới là sản phẩm của chế độ xã hội mới:

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Vì vậy, con người mới chỉ có thể được hình thành trong môi trường xã hội mới, nơi các quan hệ xã hội dựa trên công bằng, bình đẳng và sự phát triển toàn diện của cá nhân.

Chế độ xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu xóa bỏ áp bức, bóc lột và xây dựng một xã hội dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất, là môi trường lý tưởng để hình thành con người mới.

Con người mới là chủ thể và mục tiêu của sự nghiệp cách mạng:

V.I.Lênin khẳng định rằng con người là nhân tố quyết định trong cách mạng. Việc xây dựng con người mới không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của sự phát triển xã hội mà còn để bảo đảm rằng con người trở thành chủ thể tích

cực, sáng tạo trong quá trình đó.

Con người mới cần có tư tưởng chính trị vững vàng, nhận thức đúng đắn về vai trò của mình trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đặc trưng của con người mới theo quan điểm Mác - Lênin:

Có ý thức giai cấp rõ ràng, trung thành với lý tưởng cộng sản.

Sống vì lợi ích chung, đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân.

Có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật cao, sẵn sàng học hỏi và sáng tạo.

Gắn bó chặt chẽ với lao động, coi lao động là nguồn sống và động lực phát triển bản thân.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, phù hợp với đặc điểm văn hóa, truyền thống dân tộc và bối cảnh lịch sử cụ thể.

Mục tiêu xây dựng con người mới:

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng con người mới là một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm đào tạo những người công dân yêu

nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có phẩm chất đạo đức cách mạng, tri thức và kỹ năng lao động.

Con người mới là những người “vừa hồng, vừa chuyên”¹, tức là vừa có đạo đức tốt (hồng), vừa có trình độ chuyên môn cao (chuyên).

Nội dung xây dựng con người mới:

Đạo đức cách mạng: Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng đạo đức cách mạng là nền tảng để xây dựng con người mới. Người khẳng định: “Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng”².

Trí tuệ và văn hóa: Con người mới cần có tri thức, hiểu biết về khoa học, kỹ thuật và văn hóa để đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tinh thần yêu nước: Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội là động lực để con người mới phấn đấu không ngừng trong lao động, học tập và chiến đấu.

Ý thức tổ chức và kỷ luật: Con người mới cần có ý thức tổ chức, kỷ luật cao, luôn tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc của xã hội.

Phương pháp xây dựng con người mới:

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi giáo dục là con đường quan trọng nhất để xây dựng con người mới. Người nhấn mạnh rằng giáo dục cần toàn diện, bao gồm cả đạo đức, trí tuệ, thể chất và thẩm mỹ.

Bên cạnh giáo dục, môi trường xã hội cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cần xây dựng một xã hội lành mạnh, nơi mọi người cùng phấn đấu vì mục tiêu chung.

Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đều coi con người mới là chủ thể và mục tiêu của sự nghiệp cách mạng, nhấn mạnh vai trò của giáo dục và môi trường xã hội trong việc xây dựng con người mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiều hơn đến vai trò của đạo đức cách mạng và tinh thần yêu nước, phù hợp với đặc điểm văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam.

Việc nghiên cứu và vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa to lớn trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang đối mặt với nhiều

thách thức từ toàn cầu hóa, chuyển đổi số và sự thay đổi nhanh chóng của các giá trị xã hội. Đây là cơ sở để đào tạo thế hệ công dân Việt Nam toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

3. Quan điểm về xây dựng con người mới của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt của sự nghiệp cách mạng. Quan điểm này được thể hiện rõ nét trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Con người mới xã hội chủ nghĩa là hình mẫu lý

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt của sự nghiệp cách mạng. Quan điểm này được thể hiện rõ nét trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

tưởng của công dân Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mang những phẩm chất toàn diện, bao gồm:

Đạo đức cách mạng: Yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội.

Trí tuệ: Có trình độ học vấn, kỹ năng lao động và năng lực sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Lối sống lành mạnh: Hòa hòa giữa truyền thống và hiện đại, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, giữ gìn bản sắc dân tộc.

Trước đổi mới, Đảng nhấn mạnh vai trò của con người mới xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trọng tâm xây dựng đạo đức cách mạng: Con người mới cần có ý thức giai cấp rõ ràng, trung thành với Đảng và sự nghiệp cách mạng. Đạo đức cách mạng được nhấn mạnh qua tinh thần “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. Đào tạo nhân lực cho công cuộc xây dựng xã hội mới: Giáo dục được coi là công cụ quan trọng để hình thành thể hệ công dân mới có ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần lao động tập thể.

Từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng đã có những điều chỉnh quan trọng về quan điểm xây dựng con người mới, nhấn mạnh đến sự phát triển toàn diện và phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Con người là trung tâm và mục tiêu phát triển: Đại hội lần thứ XI (2011) khẳng định: “Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể sáng tạo của lịch sử”. Đại hội lần thứ XIII (2021) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”³.

Phát triển toàn diện: Đảng nhấn mạnh việc xây dựng con người mới phải bao gồm cả đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và tinh thần. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”⁴.

Kết hợp truyền thống và hiện đại: Đảng khuyến khích kế thừa các giá trị

truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng con người mới với bản lĩnh, tự tin trong hội nhập quốc tế. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ: “Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại”⁵.

4. Những yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc đối với xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

Trong bối cảnh Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển mới với những cơ hội và thách thức lớn, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa cần đáp ứng những yêu cầu sau:

Yêu cầu về tư tưởng và ý thức hệ

Củng cố niềm tin vào chủ nghĩa xã hội:

Con người mới cần có niềm tin vững chắc vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, coi đó là mục tiêu và lý tưởng cao đẹp. *Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Giáo dục chính trị, tư tưởng cần*

tập trung vào tăng cường nhận thức về giá trị của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Ý thức trách nhiệm đối với dân tộc và cộng đồng:

Con người mới phải có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, trước hết là ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tham gia tích cực các phong trào bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa và giữ gìn an ninh trật tự.

Yêu cầu về tri thức và kỹ năng

Phát triển năng lực sáng tạo và đổi mới:

Trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, con người mới cần có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề một cách linh hoạt.

Kỹ năng hội nhập quốc tế:

Con người mới có năng lực ngoại ngữ, hiểu biết văn hóa quốc tế, và kỹ năng làm việc trong môi trường đa quốc gia.

Kỹ năng số và thích ứng với công nghệ:

Con người mới được trang bị kỹ năng số và khả năng sử dụng công

nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực.

Yêu cầu về đạo đức và lối sống

Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội:

Con người mới cần có đạo đức nghề nghiệp, làm việc tận tâm và hướng tới lợi ích cộng đồng, có văn hóa làm việc liêm chính, trách nhiệm.

Lối sống lành mạnh và bảo vệ môi trường:

Con người mới có lối sống tiết kiệm, bền vững, gắn bó với thiên nhiên và có trách nhiệm với môi trường.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:

Con người mới có hiểu biết sâu sắc và tự hào về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết cách hội nhập văn hóa thế giới.

Yêu cầu về ý chí và nghị lực

Ý chí tự cường dân tộc:

Có tinh thần tự lực, tự cường để vượt qua các thách thức của hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu.

Nghị lực vượt qua khó khăn:

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, con người mới cần có nghị lực và khả năng chịu đựng áp lực để đạt được mục tiêu.

Yêu cầu về tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cộng đồng

Con người mới cần đề cao tinh thần đoàn kết, hợp tác để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ví dụ: Tham gia các hoạt động cộng đồng, hỗ trợ các nhóm yếu thế và đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Yêu cầu về sự thích nghi với bối cảnh toàn cầu

Thích nghi với biến đổi khí hậu:

Con người mới cần được trang bị kiến thức và kỹ năng để ứng phó với các thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu.

Hiểu biết về kinh tế tri thức:

Con người mới phải có tư duy kinh tế tri thức, áp dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, đặc biệt là chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo.

Những yêu cầu mới trong kỷ nguyên vươn mình phát triển của dân tộc đặt ra mục tiêu toàn diện cho việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa: có tư tưởng vững vàng, tri thức hiện đại, đạo đức cao đẹp và năng lực thích ứng với các xu thế toàn cầu. Đây là nền tảng để Việt Nam phát triển bền vững và khẳng định vị thế trong cộng đồng quốc tế.

5. Quan điểm và giải pháp định hướng trong xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quan điểm, định hướng

Con người là trung tâm của sự phát triển:

- Quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam là lấy con người làm trung tâm; vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cốt lõi trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

Gắn kết giữa phát triển con người và phát triển xã hội:

Con người mới phải được xây dựng trong mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của xã hội, kinh tế và văn hóa. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế và văn hóa để tạo nền tảng phát triển con người.

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:

Xây dựng con người mới không tách rời việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Hội nhập quốc tế gắn với giữ vững độc lập, tự chủ:

Quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam là lấy con người làm trung tâm; vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ cốt lõi trong sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.

Con người mới cần được trang bị tư duy hội nhập, năng lực cạnh tranh quốc tế, nhưng vẫn giữ vững bản sắc và giá trị truyền thống của dân tộc.

Bảo đảm sự phát triển toàn diện của con người:

Con người mới phải phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và năng lực nghề nghiệp.

Giải pháp định hướng

Giáo dục và đào tạo:

Cải cách hệ thống giáo dục: Đổi mới chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện. Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và ý thức công dân.

Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp: Tăng cường đào tạo nghề và

phát triển kỹ năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Phát triển văn hóa, nâng cao giá trị đạo đức:

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: Phát huy vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống.

Tôn vinh các giá trị văn hóa dân tộc: Đẩy mạnh các phong trào giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống trong cộng đồng.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế:

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Tập trung đào tạo đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, công nhân kỹ thuật cao đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đẩy mạnh giáo dục ngoại ngữ và kỹ năng hội nhập quốc tế: Tạo điều kiện cho thanh niên tiếp cận với các chương trình học tập, nghiên cứu và làm việc ở nước ngoài.

Xây dựng lối sống lành mạnh, bền vững:

Thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường: Giáo dục ý thức sống xanh, sử dụng năng lượng tái tạo và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Khuyến khích lối sống tiết kiệm, trách nhiệm: Phát động các phong trào tiết kiệm, chống lãng phí và xây dựng ý thức tiêu dùng bền vững.

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội:

Cải thiện hệ thống y tế: Đầu tư vào cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa.

Tăng cường an sinh xã hội: Bảo đảm các chính sách hỗ trợ người yếu thế, người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước:

Hoàn thiện chính sách phát triển con người: Xây dựng và thực hiện các chính sách đồng bộ về giáo dục, văn hóa, y tế và phát triển nguồn nhân lực.

Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội: Tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong xây dựng con người mới.

Những quan điểm và giải pháp trên nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, xây dựng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa toàn diện, sáng tạo và bản lĩnh. Đây là nền tảng vững chắc để Việt

Nam đạt được các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Trong kỷ nguyên vươn mình mạnh mẽ của dân tộc, việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa không chỉ là nhiệm vụ trung tâm mà còn là động lực then chốt để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa”⁶. Con người mới xã hội chủ nghĩa cần hội tụ những phẩm chất như ý thức dân tộc sâu sắc, tinh thần sáng tạo, trách nhiệm xã hội cao và khả năng thích ứng linh hoạt với những thay đổi của thời đại.

Để đáp ứng những yêu cầu này, cần xác định rõ tư tưởng Hồ Chí Minh là

kim chỉ nam, từ đó xây dựng hệ thống chính sách đồng bộ về giáo dục, văn hóa, kinh tế và chính trị, nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con người. Đồng thời, việc phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, kết hợp hài hòa với các giá trị tiến bộ của nhân loại là yếu tố quan trọng để khơi dậy khát vọng cống hiến và lòng tự hào dân tộc trong mỗi cá nhân.

Những yêu cầu mới trong xây dựng con người phản ánh tầm nhìn chiến lược của đất nước, đồng thời thể hiện sự kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn. Đây chính là nền tảng vững chắc để khẳng định vị thế và bản lĩnh của dân tộc, góp phần xây dựng một nước Việt Nam phát triển toàn diện, hiện đại và giàu bản sắc trong kỷ nguyên mới ■

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.612.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.14, tr.400.

^{3, 4, 5} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.115-116, 116, 143.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sdd, t.13, tr.66.

NHẬN DIỆN VÀ HÓA GIẢI NHỮNG NGUY CƠ, THÁCH THỨC LỚN ĐỐI VỚI ĐẢNG CẦM QUYỀN TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN MỚI

● PGS, TS NGUYỄN MINH TUẤN

*Nguyên Viện trưởng Viện Xây dựng Đảng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Bối cảnh mới

Những thuận lợi

Một là, toàn cầu hóa, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, khát vọng chung của toàn nhân loại. Các nước vừa và nhỏ cũng có những điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ song phương, đa phương vì mục tiêu phát triển kinh tế. Sự gần nhau về lợi ích giữa những bộ phận khác nhau của thế giới cộng với việc nâng cao nhận thức trách nhiệm của toàn thế giới trong việc giải quyết những vấn đề toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi bệnh tật hiểm nghèo) đã trở thành yếu tố thuận lợi và tích cực cho không khí hợp tác, đối thoại.

Xu hướng liên kết khu vực, xu hướng các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài; xu hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh trong điều kiện cùng tồn tại hòa bình..., thế giới ngày càng đi sâu vào quá trình toàn cầu hóa nhiều mặt đời sống, đặc biệt là về kinh tế.

Hợp tác và phân công lao động quốc tế đã và đang là xu thế của thời đại. Trình độ hợp tác và phân công lao động, chuyên môn hóa ngày càng cao. Tình hình đó tạo cơ hội lớn để các nước có thể tìm kiếm những khả năng tham gia quá trình hợp tác, phân công quốc tế.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhất là vòng cung Đông Á - Thái Bình

Dương là khu vực đang phát triển năng động, sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ cao và thu hút sự quan tâm của nhiều nước lớn trên thế giới, dự báo sẽ tạo nên những bút phá mới. Quan hệ giữa Việt Nam với tất cả các nước trong và ngoài khu vực đều có bước phát triển mới, đặc biệt chúng ta có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các cường quốc trên thế giới, là điều kiện rất thuận lợi cho hành trình bước vào kỷ nguyên mới với kỳ vọng phát triển vượt bậc của nước ta.

Hai là, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ tạo cơ hội cho nhiều quốc gia phát triển nếu nắm được những lợi thế và có bước đi đúng đắn. Kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phát triển mới với sự biến đổi mạnh mẽ của lực lượng sản xuất dưới tác động đột phá từ các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dẫn đến những thay đổi rất nhanh chóng và sâu sắc về mặt xã hội trên quy mô toàn cầu, tác động tích cực đến sự vươn lên của những quốc gia, dân tộc đang phát triển, đi sau có những kinh nghiệm và điều kiện thuận lợi.

Trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, công nghệ bán dẫn, đổi mới sáng tạo, sự

bùng nổ thông tin trên toàn cầu... thu hút sự quan tâm, tham gia của đông đảo nhân dân, nhất là giới trẻ, góp phần nâng cao tri thức, trình độ; thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ đó tăng thu nhập cho công nhân, người lao động.

Công nghệ số tạo điều kiện thuận lợi để các phương tiện truyền thông mới phát triển mạnh mẽ, được các quốc gia sử dụng trên mặt trận thông tin, tư tưởng, ý thức hệ và có nhiều thuận lợi trong giao lưu, tiếp thu, kế thừa có chọn lọc để phát triển mọi mặt đất nước.

Ba là, những kết quả to lớn có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam, nhất là sau gần 40 năm đổi mới. Sau gần 40 năm đổi mới, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vị thế, sức mạnh tổng hợp và uy tín trên trường quốc tế được nâng lên, tạo tiền đề quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước. “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹.

Bốn là, những chuyển biến tích cực trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo công cuộc



Đại biểu Quốc hội tiến hành biểu quyết thông qua Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), ngày 23/11/2024 _ Ảnh: xaydungchinhhsach.chinhphu.vn

đổi mới, “đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế”², “đổi mới tổ chức, cán bộ”³, tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; tăng cường công tác dân vận, chú trọng kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Nhiều chủ trương của Đảng đã được Nhà nước thể chế thành pháp luật, chú trọng xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo; khẳng định vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân

dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền là cơ sở thuận lợi để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình.

Những khó khăn

Thứ nhất, thế giới đang đứng trước những bất ổn do xung đột vũ trang ở nhiều nơi. Tình hình chính trị - an ninh thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, phức tạp, tinh vi, đa dạng, khó dự đoán. Trật tự thế giới “đa cực, đa trung tâm” định hình rõ nét hơn; trong đó Mỹ, Trung Quốc, Nga được đánh giá là ba “cực” chính, là yếu tố quan trọng hàng đầu định hình trật tự thế giới, chi phối đời sống quan hệ quốc tế ít nhất

trong vài thập niên tới. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khả năng xảy ra đụng độ lớn về quân sự giữa các cường quốc trong những thập niên tới là thấp, tuy nhiên nguy cơ xuất hiện cuộc Chiến tranh Lạnh, xung đột cục bộ, chạy đua vũ trang ngày càng rõ nét. Tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh trên không gian mạng sẽ tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

Nhiều chủ trương của Đảng đã được Nhà nước thể chế thành pháp luật, chú trọng xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo; khẳng định vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của nhân dân trong phát triển đất nước, trong toàn bộ quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng là địa bàn trọng điểm của cạnh tranh chiến lược nước lớn và chứa đựng những yếu tố bất ổn định. ASEAN cũng dễ bị lôi kéo, chia rẽ bởi các nước lớn, các lợi ích quốc gia - dân tộc khác nhau. Việt

Nam - Lào - Campuchia cũng tiềm ẩn nguy cơ bị tác động chia rẽ từ nhiều phía; đối diện với nhiều nguy cơ mất ổn định mới về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

Chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn được duy trì và phát triển ở một số nước trên thế giới, song những trở ngại trên con đường phát triển của chủ nghĩa xã hội còn rất nhiều gian nan, thách thức. Cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa những lực lượng cách mạng và phản cách mạng đang diễn ra gay go, quyết liệt trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội thế giới, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, tư tưởng, chi phối quá trình vận động, phát triển của lịch sử nhân loại. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, toàn cầu hóa, sự phát triển khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) đang tác động sâu sắc, tạo cơ hội bứt phá, tăng tốc cho các nước đang phát triển, nhưng gây bất lợi cho nhiều quốc gia nếu không tận dụng được cơ hội. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống (như khủng bố, tội phạm công nghệ cao, an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, ô nhiễm và suy thoái môi

trường, dịch bệnh... trở thành mối đe dọa ngày càng hiện hữu đối với tất cả các quốc gia), đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới tác động không nhỏ đến chính sách an ninh - quốc phòng của các nước.

Ngoài cạnh tranh về hệ tư tưởng, an ninh, quân sự... còn lại sự cạnh tranh trên các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, vận tải, logistics...; bên cạnh địa bàn cạnh tranh truyền thống như không gian địa - vật lý chủ quyền quốc gia, vùng đệm, “sân sau”, khu vực địa - chiến lược, hiện còn mở rộng quy mô sang khu vực Bắc Cực, Nam Cực, đáy biển, lòng đại dương, không gian vũ trụ, không gian mạng.

Thứ ba, sự phát triển trên một số lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước chưa vững chắc. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên, chủ yếu là nguyên liệu thô để xuất khẩu; các cân đối vĩ mô chưa vững chắc. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ, đặc biệt đối với khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả chưa cao, còn lãng phí. Tình trạng khai thác rừng, khai thác

khoảng sản bất hợp pháp vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn kịp thời.

Mục tiêu “thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo”, “bảo đảm công bằng xã hội”; “phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực” chưa đạt hiệu quả tương xứng, thậm chí có những vấn đề còn nghiêm trọng như tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, ô nhiễm môi trường ngày càng nặng nề...

Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hiện quyền con người ở một số lĩnh vực, địa bàn kết quả còn thấp; nhiều nguồn lực trong nhân dân chưa được phát huy hiệu quả. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn; khoảng cách giữa các vùng miền, khu vực, đồng bào các dân tộc thiểu số, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội... còn lớn.

Thứ tư, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vẫn còn những khuyết điểm, chậm khắc phục. Khuyết điểm lớn nhất và cũng là vấn đề cấp bách nhất trong Đảng là một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn

biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hệ thống chính trị vẫn chưa được ngăn chặn, đẩy lùi như mục tiêu và mong muốn của nhân dân.

Vẫn còn tình trạng vi phạm nguyên tắc “tập trung dân chủ” và nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”, lấy ý kiến cá nhân áp đặt lên tập thể, lợi dụng danh nghĩa tập thể để hợp thức hóa ý kiến cá nhân không trong sáng. Tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn diễn ra. Những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp.

Thứ năm, đời sống nhân dân nhiều nơi còn khó khăn, phân hóa xã hội ngày càng tăng, có mặt khá gay gắt. Thách thức về gia tăng tiêu cực, mâu thuẫn, phân hóa xã hội; sự chống phá của các thế lực thù địch; việc giữ vững bản sắc văn hóa, những giá trị truyền thống của dân tộc trước nguy cơ phai nhạt, bị “xâm lăng văn hóa”; vấn đề ý thức hệ, cuộc đấu tranh tư tưởng trong bối cảnh thăng trầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực; sự đa dạng, bùng nổ về thông tin... vẫn diễn biến phức tạp, khó lường.

Thứ sáu, các thế lực thù địch tiếp tục chống phá cách mạng với những thủ đoạn tinh vi, khó lường. Các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ âm mưu, thủ đoạn chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bằng mọi thủ đoạn “diễn biến hòa bình” tấn công vào đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng tinh vi, xảo quyệt, toàn diện. Các vấn đề dân tộc, nhất là dân tộc thiểu số, vấn đề tôn giáo thường xuyên bị các thế lực thù địch lợi dụng, tuyên truyền, kích động thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại... nhằm làm giảm sút lòng tin, chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

2. Nhận diện những nguy cơ, thách thức lớn

Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra vẫn hiện hữu, có mặt còn diễn biến phức tạp và gay gắt hơn

Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ khóa VII tháng 01/1994 chỉ ra đến nay vẫn là những thách thức lớn.

Thứ nhất, nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ tụt hậu về kinh tế, rơi

vào “bẫy thu nhập trung bình”; nguy cơ lệ thuộc vào bên ngoài và mất độc lập, tự chủ về kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế; thách thức đối với việc bắt kịp và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thách thức từ ô nhiễm môi trường; thách thức do tác động của biến đổi khí hậu; thách thức từ già hóa dân số nhanh và chất lượng dân số thấp; các thách thức đến từ đô thị hóa.

Thứ hai, nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta. Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục lợi dụng xu hướng tăng cường thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ từng bộ phận của hệ thống chính trị nước ta; đẩy mạnh tuyên truyền, tán phát các quan điểm sai trái, thù địch chống Đảng, Nhà nước, kích động bất tuân dân sự, bạo loạn lật đổ, gây mất ổn định về an ninh chính trị - xã hội; nuôi dưỡng, hỗ trợ, chỉ đạo các phần tử cơ hội, chống đối chính trị ở trong nước và các tổ chức, lực lượng phản động ở nước ngoài; tiếp tục triệt để lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo... để gây sức ép và chống phá Việt Nam, kích động gây chia rẽ,

phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; tập trung xâm nhập, lôi kéo, chuyển hóa tiến tới “phi chính trị hóa” lực lượng quân đội, công an.

Thứ ba, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, cơ hội chính trị, “lợi ích nhóm” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao là một nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội, đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ...

Thứ tư, sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên một số lĩnh vực còn diễn biến phức tạp, nghiêm trọng, nổi lên là các sai phạm lớn trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, đấu thầu, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động ngân hàng, đăng kiểm, y tế... gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Có sự câu kết, móc nối giữa cán bộ thoái hóa, biến chất với doanh nghiệp, tổ chức để

trục lợi, hình thành các “nhóm lợi ích”, thậm chí chi phối công tác cán bộ và hoạt động của cơ quan Nhà nước, gây bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Bốn nguy cơ trên có mối liên hệ tác động lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Xuất hiện các nguy cơ, thách thức mới

Tranh chấp trên Biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp, là mối thách thức lớn nhất đối với chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.

Chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng ngày càng được các thế lực thù địch, phản động sử dụng rộng rãi để xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia; chi phối, tác động lớn đến Việt Nam.

An ninh truyền thông và phi truyền thông còn diễn biến phức tạp; âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, xảo quyệt; tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự diễn biến phức tạp, khó dự báo và kiểm soát; sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, truyền thông... tác động sâu sắc, đa chiều đến

môi trường an ninh, trật tự của đất nước ta.

Trên một số vùng chiến lược, địa bàn trọng điểm ở khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ còn tiềm ẩn các yếu tố gây mất ổn định, không loại trừ khả năng xảy ra bạo loạn chính trị. Nhân tố có thể gây biến động, bất lợi từ bên trong như hình thành các tổ chức chính trị đối lập “ly khai”, “tự trị”, thúc đẩy “cách mạng màu”, “cách mạng đường phố”, phát triển thành bạo loạn vũ trang, can thiệp quân sự, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa là những nguy cơ không thể coi thường⁴.

3. Đề xuất giải pháp

Thứ nhất, thực hiện “4 kiên định”.

(1) Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng vận dụng và phát triển sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn; (2) Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; (3) Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (4) Kiên định các nguyên tắc về xây dựng Đảng⁵.

Thứ hai, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho

nhân dân, tập trung thực hiện ba giải pháp đột phá.

Tạo bước đột phá, vượt trội về thể chế, “hóa giải” được các thách thức, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động được tất cả các nguồn lực để đất nước phát triển nhanh, bền vững;

Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường cao tốc, nâng cấp các sân bay, bến cảng, hạ tầng đô thị, hạ tầng liên vùng;

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số.

Thứ ba, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, tuyệt đối không để xảy ra bao biện, làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo bằng đường lối, chính sách; tuyên truyền, vận động nhân dân; thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong cơ quan nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước; giới thiệu đại biểu ưu tú vào bộ máy nhà nước và thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

Mọi tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của Đảng phải gương mẫu chấp hành, “thượng tôn” pháp luật.

Tập trung thực hiện nhiệm vụ “then chốt” - xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định của Đảng. Thường xuyên đấu tranh chống các tư tưởng sai trái, thù địch để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, đồng thời đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Hoàn thiện và kiên quyết thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thể chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ■

¹ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.169.

² ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.64, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.26.

³ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr.177.

⁴ Xem tham luận Hội thảo khoa học quốc gia “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương phối hợp với Tạp chí Cộng sản tổ chức ngày 15/11/2024 (bài tham luận của Thượng tướng, PGS.TS. Nguyễn Văn Thành, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương; Đại tá, PGS.TS. Cao Văn Trọng, Ban Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương).

⁵ Xem ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.33-34.

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI VỚI VAI TRÒ LÀ NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG YẾU, THƯỜNG XUYÊN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

● **Thiếu tướng, PGS, TS, NGND NGUYỄN BÁ DƯƠNG**

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương,

Phụ trách Nhóm Chuyên gia 35 Quân ủy Trung ương,

nguyên Viện trưởng

Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng

Nhận thức là một quá trình phản ánh hiện thực khách quan bởi trí tuệ của con người với tính năng động, tích cực của từng đối tượng chủ thể. Nhận thức đúng thì làm đúng, nhận thức sai thì làm sai; “sai một ly là đi một dặm”; sự nhận thức đúng hay chưa đúng đều phải căn cứ vào điểm xuất phát, “thước đo” của hoạt động nhận thức và tính quy định của tình hình thực tiễn. Quá trình nhận thức và phát triển nhận thức lý luận của Đảng về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là những nhiệm vụ trọng yếu, thường

xuyên trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc cũng tuân theo quy luật phát triển của nhận thức, chịu sự quy định của hiện thực khách quan, nhất là sự quy định của tồn tại xã hội đối với công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Gần 40 năm trước đây, tính từ ngày Đảng khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước cho đến ngày nay, tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường; nổi lên là Chiến tranh lạnh kết thúc; chế độ xã hội chủ nghĩa theo mô hình Xô viết ở Liên Xô và các nước

xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ; phong trào cộng sản, công nhân quốc tế lâm vào khủng hoảng, thoái trào trầm trọng; cạnh tranh chiến lược giữa các nước ngày càng diễn ra gay gắt, nhất là các nước lớn với những động thái phức tạp, rất khó dự báo theo xu hướng đối đầu, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trục quan hệ EU, Mỹ - Nga; Trung Quốc - Mỹ, EU; Trung Quốc - Nga nổi lên, đã và đang tác động, làm khuynh đảo trật tự thế giới; làm cho bản thân nó có sự dịch chuyển từ “nhất siêu thành đa cường”, “đơn cực thành đa cực”. Trong bối cảnh chạy đua vũ trang quyết liệt, xung đột và nguy cơ chiến tranh thế giới thứ ba có thể nổ ra, các nước lớn và nhỏ đều đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết và trước hết, điển hình là học thuyết của D. Trump với khẩu hiệu “Nước Mỹ là trên hết”, “Đưa nước Mỹ vĩ đại trở lại”...

Những biến động của tình hình thế giới, khu vực đã và đang tác động sâu sắc đến công cuộc đổi mới, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; làm cho tình hình trong nước có nhiều biến động, cả tích cực và tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực quốc phòng,

an ninh và đối ngoại, đòi hỏi Đảng, Nhà nước ta phải có tầm nhìn xa, trông rộng, tỉnh táo, sáng suốt, có quyết định chính xác; không để đất nước bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Nhìn lại gần 40 năm đổi mới đất nước, chúng ta thấy rõ hơn sự thay đổi mạnh mẽ của đời sống chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở Việt Nam. Dấu ấn nổi bật nhất là sự dịch chuyển của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nước ta, từ một đất nước nông nghiệp lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề sau chiến tranh, lại bị bao vây, cấm vận; đời sống gặp nhiều khó khăn; thậm chí có thời điểm lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, đặt ra nhiều thách thức đối với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; các thế lực chống phá, gây rối, làm cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước gặp khó khăn, sang nước đang phát triển, có thu nhập trung bình. Dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, các vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm, triển khai một cách đồng bộ, tích cực, đem lại diện mạo mới với những thành công rất đáng khích lệ và tự hào; nhờ đó, đã tạo được môi trường đồng thuận “trong ấm, ngoài êm”, “trên dưới

đồng lòng, dọc ngang thông suốt”; đất nước ta có được hòa bình, ổn định để nhân dân ta tập trung đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh; không ngừng cải thiện, từng bước nâng cao mức sống, hưởng thụ thành quả mà công cuộc đổi mới đem lại.

Qua thực tiễn lãnh đạo công cuộc đổi mới, vị thế, vai trò của công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã được khẳng định là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện thực này đã góp phần nâng cao uy tín, vị thế cầm quyền, lãnh đạo của Đảng. Đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Đảng được nhân dân cả nước đồng tình, ủng hộ.

Tuy nhiên, ngoài những thành công rất đáng trân trọng, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã và đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nảy sinh trong quá trình tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, trong đó có những khó khăn, thách thức nảy sinh từ các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Vì lẽ đó, nghiên cứu, đánh giá khách quan, khoa học những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển tư

duy mới, nhận thức lý luận của Đảng về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; từ đó dự báo nhân tố tác động, yêu cầu nhiệm vụ và định hướng mục tiêu, quan điểm, đề ra các giải pháp tiếp tục đổi mới nhận thức lý luận của Đảng về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong kỷ nguyên mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Khởi điểm xuất phát sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986). Tại Đại hội này, tư duy mới của Đảng về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, bảo vệ Tổ quốc được hình thành trên những nội dung cơ bản, mang tầm chiến lược và được bổ sung, cập nhật, không ngừng phát triển qua gần 8 nhiệm kỳ đại hội của Đảng, qua gần 40 năm Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới.



Máy bay diễn tập chuẩn bị chào mừng kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước _ Ảnh: IT

Vấn đề nổi lên hàng đầu, có ý nghĩa định hướng chung - điểm xuất phát cho cả ba vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại là Đảng xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”¹. Điều này

chi phối, chỉ đạo và quán xuyên chung cho cả ba lĩnh vực công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại trên cơ sở Đảng tái khẳng định và nhấn mạnh, làm rõ hơn vấn đề cốt tử của bảo vệ Tổ quốc ở Đại hội VIII của Đảng, đó là: “Bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động gây mất ổn định chính trị xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền,

toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi loại tội phạm, bảo đảm tốt trật tự, an toàn xã hội”².

Trên cơ sở bám sát tình hình, nhiệm vụ cách mạng, kết quả công cuộc đổi mới, thành tựu đạt được của công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đảng đã cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX đã cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ của công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại như sau: “*Một là*, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; *hai là*, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; *ba là*, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; *bốn là*, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; *năm là*, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; *sáu là*, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”³.

Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ của từng mặt công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đảng nhấn mạnh từng vấn đề và đặt nó ở vị

trí trọng tâm, trọng điểm. Vì vậy, tại Đại hội X, Đảng nhấn mạnh hơn vấn đề an ninh và chỉ rõ: “Bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hóa và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ”⁴. Đây là cơ sở, nền tảng vững chắc để Đảng đề ra quan điểm nâng cao khả năng “tự bảo vệ” của mỗi người, mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị và quốc gia - dân tộc trước sự tác động của tình hình. Một trong những vấn đề mang tính thời sự, được cập nhật, bổ sung, là nét mới, làm phong phú và sâu sắc nhận thức lý luận của Đảng là đưa vào Nghị quyết Đại hội XI vấn đề “giữ vững chủ quyền biển đảo” và “ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống”.

Với quan điểm này, Đảng nhấn mạnh sự cần thiết về “an ninh chủ động”. Điều này được Đảng khái quát trong Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đề khẳng định mục tiêu chung của bảo vệ Tổ quốc mà quốc phòng, an ninh và đối

ngoại cần cụ thể hóa trong các nhiệm vụ của mình nhằm tạo được sự chuyển biến rõ nét trong xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước; tập trung cơ cấu lại nền kinh tế một cách hiệu quả; chủ động ngăn ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; kiểm chế sự gia tăng tội phạm; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển đất nước.

Nhìn lại các đề xuất quan điểm của Đảng xuyên suốt từ Đại hội VI đến Đại hội XI về mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng bảo vệ Tổ quốc, Văn kiện Đại hội XII chỉ rõ sự cần thiết phải “Bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”⁵ và nó là một thành tố quan trọng của chủ đề Đại hội XII. Kế thừa kết quả phát triển tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc của các nhiệm kỳ đại hội Đảng trước đó, đến Đại hội XIII, Đảng ta xác định: “Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ

vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁶.

Từ quan điểm “gốc” về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Đảng xác định yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong đó, khẳng định rõ sức mạnh, lực lượng bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc bởi vì, trong tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, Đảng luôn nhất quán khẳng định bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân, vì nhân dân; trong đó đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực chủ yếu, lấy phát huy nội lực là chính để kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Quan điểm bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị nhưng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng. Vấn đề này được đặt ra từ năm 1991, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ*

quá độ lên chủ nghĩa xã hội; từng bước được cập nhật, bổ sung và đến Đại hội XII, quan điểm về sức mạnh và lực lượng bảo vệ Tổ quốc được khẳng định một cách đầy đủ, sâu sắc.

Đảng chỉ rõ sức mạnh bên trong của đất nước, sức mạnh của chế độ chính trị xã hội, sự trong sạch của đội ngũ cán bộ và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là nhân tố quyết định; cho nên cần “Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế”⁷⁷ để bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, Đảng nhấn mạnh: “Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”⁷⁸.

Về phương thức bảo vệ Tổ quốc, Đảng đã đề cập đến vấn đề này từ Đại hội VI, Đại hội VII và trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991). Tuy nhiên, Đảng mới chỉ đề cập trên những nét chung, là những định

hướng lớn, nhiều điểm còn chưa thật rõ ràng, chưa thật cụ thể, nhưng có thể thấy các tư tưởng cơ bản đã ẩn chứa trong lý luận về bảo vệ Tổ quốc. Đến Đại hội IX, phương thức bảo vệ Tổ quốc được Đảng đề cập đầy đủ, rõ ràng và sâu sắc hơn thông qua quan điểm về đấu tranh vũ trang và coi nhiệm vụ này luôn giữ vị trí quan trọng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Vì vậy, trong *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới đất nước*, Đảng xác định: Kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh phi vũ trang và đấu tranh vũ trang, kết hợp xây dựng với bảo vệ; lấy xây dựng để bảo vệ⁷⁹. Trên cơ sở này, Đảng xác định vấn đề *đối tác và đối tượng*.

Trước năm 1991, tư duy lý luận của Đảng tập trung vào vấn đề bạn - thù, “thêm bạn, bớt thù” rất rõ tính đối kháng giai cấp; Đảng chỉ rõ đối tượng đấu tranh trực tiếp và gián tiếp; nêu rõ kẻ thù nguy hiểm trực tiếp đối với cách mạng Việt Nam, kêu gọi toàn dân, toàn quân hết sức đề cao cảnh giác, đề phòng. Từ Hội nghị Trung ương 3 khóa VII, tư duy mới, nhận thức mới của Đảng có bước chuyển quan trọng về đối tác, đối tượng. Đảng xác định:

Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế; phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Đây là cơ sở để Đảng chuyển tư duy bạn - thù theo quan niệm truyền thống sang tư duy đối tác - đối tượng và sự chuyển hóa mối quan hệ đối tác - đối tượng trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế “vừa hợp tác, vừa đấu tranh”. Ở đây cái nhìn biện chứng của Đảng thể hiện rất rõ ở quan điểm: Trong mỗi đối tượng có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta, cần phân biệt, nhận diện cho rõ để ứng phó phù hợp. Từ đó đến nay, trong thực tế lãnh đạo công tác quân sự, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, Đảng đã uyển chuyển vận dụng sáng tạo quan điểm nêu trên để bảo vệ lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc. Đường lối ngoại giao theo trường phái “cây tre” nguyên bản Việt Nam và chính sách quốc phòng “bốn không”, “bốn tránh” đã giúp Đảng, Nhà nước và nhân dân ta ứng xử linh hoạt, mềm dẻo và hiệu quả trong các vấn đề có liên quan đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Đây là vũ khí thật sự công dụng, hữu ích và hiệu

quả để chúng ta bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; tránh được nguy cơ xung đột, mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến chiến tranh, xung đột, gây cản trở công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc khi bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận rất thiết thực là vận dụng quan điểm của Đảng như đã nêu trên để giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sao cho cân đối, hài hòa, hiệu quả là yêu cầu khách quan, nhiệm vụ cần kíp đối với mỗi lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Từ năm 1991, Đảng đã xác định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, rằng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; đồng thời, Đảng chỉ rõ trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác cách mạng; coi trọng củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ thành quả cách mạng. Đại hội VIII và Đại hội IX

của Đảng đã nâng tầm quan điểm trên và xây dựng thành lý luận về mối quan hệ và giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam. Cụm từ “Kết hợp chặt chẽ ba lĩnh vực quốc phòng, an ninh và đối ngoại” đã trở nên phổ biến trong các văn kiện của Đảng. Từ đây, sự kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại được đặt ra như là mệnh lệnh của cuộc sống. Hơn thế, Đảng đã đưa mối quan hệ chặt chẽ giữa ba lĩnh vực này kết hợp với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và ngược lại, thành quan điểm chỉ đạo mọi hoạt động bảo vệ Tổ quốc. Đến Đại hội XII, Đảng chỉ rõ kết hợp có hiệu quả giữa nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức này được cụ thể hóa thêm một bước ở Đại hội XIII của Đảng, đó là: “Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và

trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”¹⁰.

Để vững tin bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cùng với việc nắm vững chắc tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc, sự phát triển nhận thức lý luận về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Đảng qua gần 40 năm đổi mới đất nước đã được đúc kết, khái quát, chúng ta còn phải nắm vững một nội dung cơ bản, bao trùm, là cái “mũ chung” mà từng lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại phải quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo, thích ứng với từng hoàn cảnh cụ thể, yêu cầu, nhiệm vụ của mỗi lĩnh vực, theo phương thức “đi bất biến ứng vạn biến”.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Đảng đưa ra quan điểm mang tính định hướng nhận thức và chỉ đạo hoạt động thực tiễn sâu sắc, đó là: *Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy*. Sự ra đời quan điểm này là kết quả phát triển chín muồi của điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, là sự đúc kết, khái quát lý luận và thực tiễn sau 12 năm

Đảng lãnh đạo công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo đường lối đổi mới và lần đầu tiên được đưa vào Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 17/12/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về chiến lược an ninh quốc gia.

Từ đây, cụm từ “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” được đề cập nhiều trong các văn bản, văn kiện về quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Đảng. Tuy nhiên, đây mới chỉ là quan điểm ban đầu, mang tính khái quát, là định hướng chung phương thức lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Sự cụ thể hóa rõ nội dung, bản chất, phương thức, điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa được cụ thể hóa trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX (tháng 7/2003) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới với việc khẳng định nhiều vấn đề mang tính nguyên tắc: chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi. Tuy nhiên, Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới chưa chỉ rõ nội dung, giải pháp và phương thức bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Năm 2013, khi tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX và ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới thì cụm từ “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” được Đảng định hình rõ nét về mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo; nhiệm vụ, giải pháp thực hiện và nó đã gắn chặt với cụm từ “giữ nước từ khi nước chưa nguy”. Đại hội XII và XIII của Đảng đã bổ sung, hoàn chỉnh lý luận về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy và đặt nó lên vị trí hàng đầu trong thực hiện nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Vì vậy, tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII của Đảng, trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Đảng xác định: Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư thích đáng cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ

nước từ khi nước chưa nguy; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Thiết nghĩ, sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, chúng ta có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Hành trang cần thiết để thực hiện nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại là lý luận về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy. Nghiên cứu quá trình phát triển lý luận về tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, chúng ta nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn nhận định trên.

Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự

ng nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ nền văn hóa và uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; triệt tiêu các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; dập tắt mọi nguy cơ xung đột, chiến tranh; giữ vững và không ngừng củng cố môi trường hòa bình, ổn định để nhân dân an tâm sản xuất, phát triển kinh tế, kinh doanh; thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, văn hiến, anh hùng; có đóng góp tích cực vào sự nghiệp gìn giữ nền hòa bình thế giới

phải là nội hàm mới của quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Để thực hiện trọng trách trên cần có sự vào cuộc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân; trong đó nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của quốc

phòng, an ninh, đối ngoại trong kỷ nguyên phát triển mới thật nặng nề, mang tính quyết định sự thành bại của cách mạng Việt Nam. Bởi lẽ, nếu quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong kỷ nguyên phát triển mới mạnh, phát triển bền vững thì cơ đồ, sự nghiệp vĩ đại của chúng ta phát triển đúng định hướng, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, góp phần thực hiện thắng lợi sự “về đích” của tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đảng đề ra khi nước ta chào mừng kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng (03/02/1930 - 03/02/2030) và 100 năm Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2045).

Nếu công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong kỷ nguyên phát triển mới không thật sự vững mạnh, vững chắc thì đương nhiên không thể nói chúng ta sớm “về đích” tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu mà Đảng đã đề ra. Vì vậy, trong bất luận điều kiện, hoàn cảnh nào đều phải tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, của hệ thống chính trị. Trong đó, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân là lực

lượng nòng cốt, xung kích đi đầu. Xuất phát từ yêu cầu khách quan, nhiệm vụ cần kíp, những đòi hỏi mới của kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, chúng ta phải tập trung làm tốt các nội dung giải pháp căn cốt sau: *Một là*, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh và đối ngoại, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới; *hai là*, quan tâm chăm lo đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc; *ba là*, phát huy dân chủ, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân”, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy; *bốn là*, củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; có sức chiến đấu cao; *năm là*, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, nhất là đối ngoại quốc phòng, an ninh; tạo môi trường quốc tế thuận lợi để bảo vệ Tổ

quốc; *sáu là*, nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tư vấn, dự báo chiến lược; chủ động, tích cực phòng ngừa và xử lý kịp thời, chính xác các tình huống; *bảy là*, tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền; chủ động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” lực lượng vũ trang trong tình hình mới.

Sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng về tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại với vai trò là những nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc là yêu cầu khách quan, nhiệm vụ cần kíp, đòi hỏi sự vào cuộc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nhất là đội ngũ trí thức, các nhà khoa học lý luận chính trị quân sự, an ninh và đối. ngoại... Trên con đường đi tới tương lai, việc làm thiết thực này cần được quan tâm và đầu tư hơn nữa ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.142.

² ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.55, Sđđ, tr.398.

³ ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.69, Sđđ, tr.445.

⁴ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.109.

⁵ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.32.

^{6, 7, 8, 10} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.156, 155-156, 156, 157.

⁹ Xem ĐCSVN: Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua 30 năm đổi mới ở Việt Nam: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

ĐẶC ĐIỂM, XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CỦA CÁC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHÍNH SÁCH

● GS, TS ĐẶNG NGUYỄN ANH

*Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương*

I. Đặt vấn đề

Phát triển xã hội từ lâu đã là khát vọng, là mục tiêu hướng tới của các quốc gia, dân tộc. Một xã hội văn minh, thịnh vượng luôn đảm bảo cuộc sống đầy đủ về vật chất và tinh thần cho mọi công dân. Phát triển xã hội (PTXH) là sự vận động, biến đổi theo hướng tiến bộ, hợp quy luật của cấu trúc và các thiết chế xã hội nhằm đáp ứng các nhu cầu an sinh và phúc lợi, nâng cao chất lượng sống của con người, xây dựng môi trường xã hội văn minh, lành mạnh.

Hội nghị Thượng đỉnh toàn cầu về Phát triển bền vững (2015) đã đưa ra nội hàm chủ yếu của phát triển xã hội bao gồm:

- Xóa bỏ đói nghèo, tạo việc làm bền vững, có năng suất và hỗ trợ sinh kế cho người dân.

- Tạo dựng môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, pháp lý phù hợp cho phép mọi công dân phát triển toàn diện.

- Tạo cơ hội cho mọi người tiếp cận rộng rãi và công bằng các dịch vụ nhà ở, giáo dục, y tế có chất lượng.

- Phát triển giáo dục - đào tạo, tạo công bằng về cơ hội giáo dục, đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Thúc đẩy gắn kết và đồng thuận xã hội trên cơ sở củng cố quyền con người và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Giảm bất bình đẳng xã hội, bảo vệ các nhóm yếu thế.

- Thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực cho phát triển xã hội.

Các quốc gia không phân biệt trình độ phát triển, hệ thống chính trị, đang nỗ lực phấn đấu thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) nhằm chấm dứt nghèo đói, bảo vệ hành tinh và đảm bảo sự thịnh vượng của nhân loại.

Giải pháp quan trọng của quản lý PTXH là chính sách và thể chế để có thể huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả, quản lý rủi ro và khủng hoảng để ổn định xã hội, bảo đảm chất lượng cuộc sống ngày một gia tăng và hoàn thiện. Các chủ thể tham gia PTXH bao gồm: Nhà nước, thị trường, các tổ chức xã hội, cộng đồng, nhóm và cá nhân, có vai trò và chức năng khác nhau ở từng quốc gia. Nhà nước như một tổ chức quyền lực chính trị trong quản lý xã hội phải là chủ thể tổ chức, giám sát ở tầm vĩ mô việc thực hiện các chiến lược, chính sách, chương trình quốc gia về PTXH.

Bài viết tập trung xem xét các đặc điểm và xu hướng phát triển xã hội của

các quốc gia phát triển giai đoạn 20 năm qua. Đây là các quốc gia Bắc Âu và Tây Âu (Thụy Điển, Đan Mạch, Anh, Đức, Pháp) và khu vực Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore) có trình độ công nghiệp hóa và năng suất lao động cao, đầu tư nguồn lực cho phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Việc tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia đi trước có thể giúp gợi mở chính sách PTXH nhằm tận dụng tốt hơn các điều kiện và cơ hội để phát triển bền vững.

II. Đặc điểm phát triển xã hội ở các quốc gia phát triển

Cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội cho mọi người

Không có quốc gia nào thành công trong PTXH mà lại không hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Đây là đặc trưng phổ quát trong xây dựng hệ thống dịch vụ và phúc lợi xã hội ở các quốc gia PTXH thành công. Việc hoạch định các chính sách xã hội dựa trên mục tiêu “phúc lợi cho mọi người” nhằm tạo điều kiện cho quảng đại quần chúng hưởng thụ của cải quốc gia bằng nỗ lực của chính bản thân với sự hỗ trợ của cộng đồng xã

hội. Việc duy trì và tăng trưởng kinh tế cao, ổn định là điều kiện rất quan trọng để các quốc gia phát triển có thể đảm bảo an sinh và phúc lợi cho mọi người.

Lấy lợi ích và sự hài lòng của người dân là tiêu chí đánh giá hiệu quả chính sách

Các quốc gia phát triển chú trọng xây dựng mạng lưới bảo trợ xã hội rộng khắp để bảo đảm cho mọi người dân được hưởng những dịch vụ phúc lợi cơ bản. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu của cá nhân trong xã hội, thực hiện những quyền cơ bản của công dân, nhất là quyền an sinh. Bên cạnh đó, các quốc gia còn dựa vào các tổ chức tôn giáo và coi đây là một kênh trợ giúp xã hội quan trọng, là chỗ dựa của dân chúng.

Công bằng xã hội được xem như yêu cầu quan trọng của PTXH, thông qua các biện pháp phân bổ lại thu nhập theo hướng có lợi cho những người không thể tự giúp mình. Công bằng không phải là chia đều hay cào bằng mà là tạo cơ hội và khả năng tiếp cận cơ hội đồng đều nhau, không có phân biệt cho tất cả mọi người. Mục tiêu này được đánh giá bởi đa số người dân

thông qua bầu cử và các cuộc trưng cầu dân ý định kỳ.

Ưu tiên đào tạo và trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, phát triển con người

Với hệ thống giáo dục - đào tạo tiên tiến, chất lượng hàng đầu, các quốc gia Tây Âu, Bắc Âu luôn là địa bàn thu hút rất nhiều sinh viên và nhân tài đến từ khắp nơi trên thế giới. Với hệ thống văn bằng và chương trình học tập chất lượng, tiên tiến và có nhiều sự lựa chọn cho người học. Hệ thống giáo dục quốc dân phát triển mạnh qua nhiều thập kỷ đã góp phần đào tạo những chuyên gia giỏi, nhà khoa học có trình độ, đủ sức phát triển đất nước. Phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực chất lượng cao là đặc trưng của PTXH ở các quốc gia phát triển, Không thực hiện cào bằng cán bộ, viên chức mà dựa trên cách đánh giá và những tiêu chí đặt ra cho một vị trí công việc. Chính sự đầu tư cho giáo dục và nguồn nhân lực có chất lượng đã góp phần quan trọng để phát triển bền vững nói chung và phát triển xã hội nói riêng.

Tôn trọng quyền con người, đảm bảo dân chủ trong quản lý xã hội với

sự giám sát của người dân, truyền thông và cộng đồng xã hội

Dân chủ là một hình thức tổ chức xã hội, trong đó thừa nhận nhân dân là cái gốc của quyền lực chính trị thông qua hệ thống bầu cử tự do. Tất cả mọi thành viên trong xã hội (công dân) đều có quyền tiếp cận đến quyền lực và người lãnh đạo đất nước một cách bình đẳng, không có rào cản.

Nền dân chủ của các quốc gia phát triển được củng cố bằng sự bảo đảm hầu hết các quyền con người trong điều kiện xã hội phát triển. Truyền thông xã hội và các tổ chức ngoài nhà nước tham gia hỗ trợ, tư vấn đối thoại và có mặt trong nhiều lĩnh vực hàng đầu của PTXH như bảo vệ phụ nữ, trẻ em, quyền con người, bảo vệ khí hậu và môi trường, nhà ở xã hội, sức khỏe và vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp thúc đẩy bình đẳng giới... nhằm tạo điều kiện cho người dân và xã hội giám sát, đánh giá và phản biện những vấn đề liên quan đến quá trình PTXH.

Đầu tư nguồn lực cho phát triển xã hội

Để có thể có được những đặc trưng trên, các quốc gia phát triển đã đầu tư

nguồn lực đáng kể cho phát triển xã hội và con người. Những thành tựu phát triển kinh tế và tốc độ tăng trưởng cao đã tạo điều kiện cho chi tiêu xã hội. Đặc biệt, hệ thống thuế doanh nghiệp và thu nhập cá nhân ở mức cao là nguồn lực quan trọng để tái đầu tư cho phát triển xã hội. Việc trốn thuế, nợ thuế bị pháp luật nghiêm cấm, bắt kể người đó hay doanh nghiệp đó là ai, nhằm đảm bảo được nguồn tài chính để đầu tư cho an sinh và phúc lợi xã hội.

Hình thức phúc lợi được quan tâm nhất ở các quốc gia phát triển là trợ cấp, bảo vệ trẻ em, mẹ đơn thân và các gia đình có thu nhập thấp, thậm chí phúc lợi này được chi trả cho tới khi trẻ lớn lên đến 16 tuổi. Những gia đình có con nhỏ được thụ hưởng những chính sách hỗ trợ riêng. Bên cạnh đó, trợ giúp xã hội còn được cung cấp cho những người không thể có cuộc sống đầy đủ như lao động thất nghiệp, người khuyết tật, người nghỉ hưu hoặc có thu nhập quá thấp. Các tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn, các tổ chức xã hội, phi lợi nhuận thường xuyên đối thoại với chính phủ để đi đến thỏa thuận trong phân bổ kinh phí và mức độ đầu tư cho

an sinh xã hội, đem lại tác động tích cực trong thực hiện chính sách thuế, mở rộng đối tượng hưởng phúc lợi, tạo việc làm, tăng lương tối thiểu và chi tiêu cho giáo dục, y tế, nhà ở xã hội,...

III. Đánh giá xu hướng phát triển xã hội của các quốc gia phát triển

Xu hướng tích cực:

Các quốc gia phát triển đã đạt được những thành tựu khá ấn tượng trong quá trình PTXH trong 20 năm qua, hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội được hoàn thiện theo thời gian. Xu hướng này còn góp phần thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia, đi đầu trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Các quốc gia phát triển đều có xu hướng phi tập trung hóa, tăng cường phân cấp trong quản lý PTXH. Vai trò của nhà nước trong phúc lợi xã hội có xu hướng ngày càng giảm bớt, thay vào đó là vai trò của thị trường và các tổ chức xã hội. Các biện pháp phi tập trung hóa và phân cấp mạnh mẽ được thực hiện trong quản lý PTXH, ngay ở khâu lập kế hoạch và thực thi chính sách với sự tham gia rộng rãi của khu vực tư nhân, của cộng đồng và người dân.

Các quốc gia phát triển luôn chú trọng xây dựng thị trường lao động tích cực và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để khuyến khích người lao động làm việc, tăng cường trách nhiệm cá nhân. Đây là xu hướng chung qua nhiều thập kỷ, nhất là ở khu vực Bắc Âu. Khẩu hiệu “việc làm cho người có thể, an sinh cho người không thể” cho thấy tính hiệu quả của chính sách xã hội ở các quốc gia này. Bên cạnh đó, luật pháp và sự thương lượng giữa nhà nước, doanh nghiệp, người lao động giữ vai trò quan trọng bảo đảm một môi trường làm việc cạnh tranh nhưng bình đẳng và với niềm tin xã hội cao.

Xu hướng tiêu cực:

Tình hình thế giới đang đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Cạnh tranh chiến lược và chiến tranh thương mại giữa các nước lớn, xung đột vũ trang Nga-Ucraina, các cuộc khủng hoảng chính trị tại châu Phi và Trung Đông dẫn đến những thiệt hại, tổn thất cho con người và PTXH. Bên cạnh đó, khủng hoảng khí hậu và năng lượng, các thảm họa thiên tai, dân số già, mức sinh thấp, và cả những hệ lụy dai dẳng của đại dịch Covid-19 đã tác động sâu sắc đến PTXH ở nhiều quốc gia, làm

gia tăng rủi ro trong cuộc sống, bất bình đẳng xã hội gia tăng và có chiều hướng xấu đi trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Chính sách xã hội dù có tốt đến đâu nhưng nếu áp dụng mãi thì sẽ mất dần hiệu quả và thậm chí có tác động tiêu cực, đòi hỏi luôn có sự điều chỉnh cho phù hợp với những thách thức mới. Chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa bài ngoại và chủ nghĩa dân tộc cực đoan đã nổi lên trong những năm qua ở châu Âu và Bắc Mỹ nhằm chống lại người nhập cư. Những xu

hướng phức tạp này tạo ra những thay đổi lớn trong tương quan lực lượng trên chính trường và làm thay đổi các chính sách trong nước và quốc tế, có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình PTXH ở các quốc gia phát triển.

Trong bối cảnh đó, ngân sách cho PTXH bị cắt giảm, chi tiêu cho xã hội bị thu hẹp, dẫn đến lạm phát và thất nghiệp có xu hướng gia tăng làm suy giảm chất lượng cuộc sống. Sức ép

ngày càng tăng của chi phí lương hưu, tình trạng thất nghiệp, dân số già và thiếu hụt nguồn cung lao động đang là những thách thức đối với mô hình

PTXH của các quốc gia phát triển. Những khó khăn phát sinh trước những diễn biến mới trong tình hình quốc tế và khu vực đòi hỏi các quốc gia phải ứng phó, giải quyết kịp thời. Ngay tại thời điểm này, khả năng duy trì các thành quả đã đạt được về PTXH cần được tính đến trong chiến lược và quyết sách của các Chính phủ.

IV. Một số gợi mở chính sách

Kinh nghiệm PTXH của các quốc gia phát triển có thể tham khảo đối với Việt Nam để tiếp tục có những chiến lược, chính sách PTXH phù hợp với điều kiện và yêu cầu của công cuộc Đổi mới trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Cụ thể:

1. An sinh xã hội và giáo dục - đào tạo là hai lĩnh vực được tất cả các quốc gia phát triển đặc biệt quan tâm đầu tư trong PTXH. An sinh không chỉ có

Kinh nghiệm PTXH của các quốc gia phát triển có thể tham khảo đối với Việt Nam để tiếp tục có những chiến lược, chính sách PTXH phù hợp với điều kiện và yêu cầu của công cuộc Đổi mới trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

chức năng đảm bảo một cuộc sống an toàn cho mọi thành viên xã hội mà quan trọng hơn, nó còn góp phần điều chỉnh, cân bằng lợi ích giữa các giai tầng, hạn chế rủi ro, xung đột để tăng cường niềm tin và đồng thuận trong xã hội. Hệ thống giáo dục được tất cả các quốc gia khẳng định là nhân tố quan trọng trong PTXH, sản sinh ra nhân tài và phát triển con người toàn diện cho đất nước. Việt Nam cần tăng cường chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu và mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Nếu không đào tạo, không sử dụng hiệu quả nguồn lực con người thì đất nước sẽ gặp nhiều khó khăn trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

2. Cần hài hòa giữa tốc độ tăng trưởng và chỉ tiêu cho an sinh xã hội, y tế, giáo dục nhằm giảm nghèo, tạo thu nhập và việc làm bền vững, ổn định cuộc sống của người dân. Đẩy mạnh phân cấp các dịch vụ xã hội, nhà nước không nên và không thể quản lý tất cả mà xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia của khu vực ngoài nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ bảo hiểm, nhà ở, việc làm góp phần nâng

cao hiệu quả đầu tư cho phát triển xã hội. PTXH ở Việt Nam có thuận lợi lớn khi chúng ta có cấu trúc xã hội thuần nhất, không bị chia cắt bởi chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, tôn giáo như ở nhiều quốc gia khác. Đặc trưng này cần được phát huy như một động lực để hạn chế gia tăng bất bình đẳng và phân hóa xã hội, tăng cường ý chí đoàn kết và đồng thuận giữa các tầng lớp nhân dân chung tay xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Quá trình phát triển xã hội ở các quốc gia phát triển đều dựa trên mối quan hệ giữa ba trụ cột: Nhà nước, Thị trường, Xã hội. Với mục tiêu an sinh và phúc lợi cho mọi người, nhà nước có vai trò rất quan trọng. Tuy nhiên, đây chỉ là điều kiện cần, chưa đủ để thúc đẩy xã hội phát triển. Nhà nước định hướng và kiến tạo phát triển, thị trường phân bổ nguồn lực hiệu quả, xã hội tham gia giám sát và hỗ trợ các nhóm yếu thế. Sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa ba chủ thể này chính là nền tảng để đảm bảo sự phát triển hài hòa, ổn định và bền vững. Cần tăng cường xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của

pháp luật trong đời sống xã hội, để nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân, thể hiện được quyền làm chủ của nhân dân.

4. Phát triển xã hội giúp khai thác tối đa các nguồn lực nội sinh của đất nước, nhưng nguồn lực nội sinh đó sẽ được nhân lên khi có sự kết hợp và bổ sung bởi các nguồn lực quốc tế, bao gồm cả nguồn lực vật chất (vốn, kỹ thuật, công nghệ) và nguồn lực phi vật chất (kiến thức, kinh nghiệm, ý tưởng), trong đó nguồn lực nội sinh trong nước có vai trò quyết định. Cần nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Đây chính là con đường tối ưu để đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh xã hội và an ninh con người trong bối cảnh quốc tế mới.

V. Kết luận

Khi xây dựng chiến lược phát triển tổng thể, các quốc gia đều mong muốn đề cao mục tiêu phát triển bền vững, tránh tăng trưởng bằng mọi giá đi liền với sự hủy hoại môi trường sinh thái

và gia tăng bất bình đẳng xã hội. Để có thể thực hiện các mục tiêu tiên bộ, công bằng xã hội, rất cần sự cân bằng, hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội, phát huy vai trò của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng, công dân) khi hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án PTXH trong đó lấy con người là trung tâm, không đánh đổi tiên bộ, công bằng xã hội để chạy theo theo tăng trưởng kinh tế. Với những thành tựu to lớn đạt được sau 40 năm đổi mới, sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, có thể hoàn toàn tin tưởng rằng tương lai phát triển xã hội nước ta là tươi sáng. Quán triệt quan điểm xuyên suốt lấy con người là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và động lực phát triển xã hội, chúng ta sẽ xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■